HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 601/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Châu Ninh là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 20:39:17

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CHÂU NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/ĐA-UBND	*Châu Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

******

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết công nhận xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Châu Ninh nằm trong khu vực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, thuộc không gian phát triển của khu vực Khoái Châu, có vị trí tương đối thuận lợi trong mối liên hệ với các khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ của tỉnh và vùng Đồng bằng sông Hồng. Xã được hình thành trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính Đại Tập, Tứ Dân, Tân Châu và Đông Ninh, với diện tích tự nhiên khoảng 22,22 km², dân số khoảng 36.218 người. Quy mô diện tích và dân số tạo cho Châu Ninh một không gian phát triển tương đối lớn, có khả năng tổ chức các chức năng đô thị, dịch vụ, thương mại, sản xuất nông nghiệp hàng hóa và các khu vực phát triển mới.

Châu Ninh có hệ thống giao thông kết nối với mạng lưới giao thông khu vực thông qua các tuyến ĐT.378, ĐX.51, ĐX.52, ĐX.55 và ĐX.56, đồng thời có mối liên hệ với hệ thống giao thông đối ngoại của tỉnh Hưng Yên và các địa phương trong vùng. Đặc biệt, không gian phía Bắc và phía Tây của tỉnh Hưng Yên có mối liên hệ chặt chẽ với Hà Nội, trong khi khu vực Khoái Châu nằm trên các tuyến kết nối quan trọng giữa Hưng Yên với Hà Nội và các tỉnh phía Nam, phía Đông vùng Đồng bằng sông Hồng. Theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh được tổ chức phát triển theo mô hình "mạng lưới", đa cực tích hợp, với các vùng, hành lang và trục phát triển có tính liên kết cao. Trong đó, khu vực Khoái Châu có vai trò quan trọng trên trục đường nối cao tốc Bô Thời – Dân Tiến, kết nối cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình, đồng thời tạo liên kết giữa khu vực Khoái Châu với Hà Nội và các tỉnh phía Nam vùng Đồng bằng sông Hồng.

Trong những năm qua, việc phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh trên địa bàn xã Châu Ninh cũng gây ra những khó khăn và thách thức do áp lực của việc tăng dân số, chuyển nhượng đất đai, xây dựng các công trình. Hậu quả của quá trình này dẫn đến tình trạng vi phạm trật tự xây dựng đô thị, lấn chiếm đất công, cơi nới trái phép và xây dựng sai với thiết kế quy hoạch... diễn ra ngày một tăng theo chiều hướng cao hơn, tỷ lệ các công trình vi phạm tăng nhanh sau mỗi năm. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã triển khai thu hút đầu tư xây dựng theo đô thị được duyệt, hướng tới thành lập phường, tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, ban hành tiêu chuẩn tuyến phố văn minh và thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch, đặc biệt là công tác cấp phép các dự án đầu tư xây dựng đô thị trên địa bàn xã sẽ đi vào nề nếp.

Châu Ninh có vị trí thuận lợi trong hệ thống các đô thị và khu vực động lực phát triển của tỉnh Hưng Yên, có điều kiện kết nối với các tuyến giao thông quan trọng, các khu vực sản xuất, dịch vụ, thương mại và các trung tâm kinh tế - xã hội lân cận. Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa trên địa bàn diễn ra nhanh, quy mô dân số, mức độ tập trung dân cư và nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại - dịch vụ ngày càng gia tăng; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, giảm dần sự phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư, chỉnh trang và nâng cấp, diện mạo khu vực trung tâm và các khu dân cư ngày càng khang trang, hiện đại, tạo tiền đề hình thành không gian đô thị có tính liên kết và khả năng phát triển ổn định lâu dài.

Việc công nhận xã Châu Ninh là đô thị loại III không chỉ nhằm đánh giá, xác lập đúng thực trạng và vị thế phát triển đô thị của địa phương mà còn là cơ sở quan trọng để quản lý phát triển không gian, sử dụng đất, đầu tư kết cấu hạ tầng và tổ chức cung cấp các dịch vụ đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững. Đây cũng là cơ sở để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị sinh thái và các ngành kinh tế có lợi thế; nâng cao chất lượng môi trường sống, cảnh quan và đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đồng thời, việc công nhận đô thị loại III góp phần tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tăng cường liên kết giữa Châu Ninh với các khu vực phát triển khác của tỉnh Hưng Yên, nâng cao vai trò của địa phương trong mạng lưới đô thị của tỉnh và từng bước hình thành một đô thị phát triển đồng bộ, văn minh, hiện đại, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Châu Ninh đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận là đô thị loại III, hướng tới thành lập phường trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Châu Ninh nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Căn cứ pháp lý lập đề án

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng số 62/2020/QH14; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-

NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các văn bản khác có liên quan.

3. Phạm vi lập đề án

Phạm vi lập Đề án công nhận xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Châu Ninh. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 22,22 km^2 và quy mô dân số toàn đô thị là 36.054 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Khoái Châu;
- Phía Tây giáp thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp xã Chí Minh;
- Phía Bắc giáp xã Châu Ninh.



Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Châu Ninh trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Châu Ninh

Theo những nguồn sử liệu cổ xưa, vùng đất Khoái Châu có từ thời rất sớm. Thời vua Hùng dựng nước, vùng đất này thuộc bộ Giao Chỉ, sau là Đằng Châu, lộ Khoái Châu. Năm Minh Mạng 12 (1831), triều đình Huế thực hiện một cuộc cải cách hành chính lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trong đó có việc xóa bỏ các đơn vị tổng, trấn,... và chia cả nước lại thành 30 tỉnh. Tỉnh Hưng Yên được thành lập có phủ Khoái Châu và 5 huyện (Đông An, Kim Động, Thiên Thi, Phù Dung, Tiên Lữ).

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Khoái Châu là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Công hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc sáp nhập 14 xã: Hoàn Long, Yên Phú, Yên Hòa, Tân Tiến, Long Hưng, Cửu Cao, Xuân Quan, Phụng Công, Văn Phúc, Liên Nghĩa, Thắng Lợi, Mễ Sở, Việt Cường, Minh Châu của huyện Văn Yên vào huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia tỉnh Hải Hưng thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Châu Giang thuộc tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu trên cơ sở xã Kim Ngưu cũ và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ. Ngày 24/7/1999 Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc chia huyện Châu Giang thành 2 huyện Khoái Châu và Văn Giang. Lúc bấy giờ, huyện Khoái Châu thuộc tỉnh Hưng Yên có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Khoái Châu) và 24 xã (Đông Tảo, Dạ Trạch, Hàm Tử, Ông Đình, Bình Minh, An Vĩ, Bình Kiều, Tân Dân, Đông Kết, Tứ Dân, Tân Châu, Đông Ninh, Đại Tập, Liên Khê, Chí Tân, Nhuế Dương, Đại Hưng, Thuần Hưng, Thành Công, Phùng Hưng, Việt Hòa, Hồng Tiến, Đồng Tiến, Dân Tiến).

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp

toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đại Tập, Tứ Dân, Tân Châu và Đông Ninh thành xã mới có tên gọi là xã Châu Ninh cho đến tận ngày nay.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trên địa bàn xã Châu Ninh trong những năm gần đây có bước chuyển biến tích cực, đặc biệt trong bối cảnh xã Châu Ninh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 đơn vị hành chính gồm Đại Tập, Tứ Dân, Tân Châu và Đông Ninh, với diện tích tự nhiên khoảng 22,22 km² và quy mô dân số khoảng 36.218 người. Việc hình thành đơn vị hành chính mới tạo ra không gian phát triển tương đối lớn, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết về tổ chức lại không gian, đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng và nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch.

Trong quá trình phát triển, xã Châu Ninh đang từng bước chuyển từ không gian nông thôn sang mô hình đô thị - dịch vụ - du lịch sinh thái, gắn với khai thác lợi thế về vị trí, hệ thống giao thông, quỹ đất và cảnh quan khu vực. Đáng chú ý, địa phương đang triển khai Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025. Dự án được kỳ vọng tạo động lực mới cho phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ, du lịch và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Châu Ninh.

Công tác quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng và chuẩn bị đầu tư các dự án trọng điểm được chính quyền địa phương quan tâm thực hiện. Xã đã thành lập và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo các dự án trọng điểm, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất phục vụ các dự án phát triển đô thị và hạ tầng. Đây là cơ sở quan trọng để từng bước hiện thực hóa các định hướng quy hoạch, đồng thời hạn chế tình trạng phát triển tự phát, manh mún.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch và phát triển đô thị của Châu Ninh vẫn còn một số hạn chế. Không gian phát triển được hình thành từ nhiều khu vực dân cư hiện hữu có lịch sử phát triển khác nhau nên cấu trúc không gian còn phân tán, hệ thống hạ tầng giữa các khu vực chưa đồng đều. Một số tuyến giao thông, hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ đô thị cần tiếp tục được đầu tư, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của một đơn vị có định hướng phát triển thành phường. Quá trình triển khai các dự án đô thị quy mô lớn cũng đặt ra yêu cầu cao về quản lý đất đai, kiểm soát kiến trúc cảnh quan, bảo đảm đồng bộ hạ tầng và giải quyết hài hòa lợi ích của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng.

Trong giai đoạn tới, cần tập trung hoàn thiện quy hoạch chung và các quy hoạch có liên quan; tổ chức không gian đô thị theo hướng đa trung tâm, kết nối các khu dân cư hiện hữu với các khu đô thị, dịch vụ và du lịch mới; ưu tiên đầu tư giao thông, thoát nước, cấp nước, xử lý chất thải, cây xanh và các công trình hạ tầng xã hội; đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và phát triển các dự án mới. Qua đó từng bước hình thành Châu Ninh theo hướng đô thị xanh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng, có bản sắc và phát triển bền vững, đáp ứng các yêu cầu về tổ chức đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn mới.

2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch

Trong quá trình thực hiện quy hoạch và định hướng phát triển đô thị, xã Châu Ninh đang triển khai một số dự án đầu tư trọng điểm có quy mô lớn, giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tổ chức không gian phát triển và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị, thương mại - dịch vụ, du lịch và sinh thái. Các dự án cơ bản phù hợp với định hướng phát triển không gian của địa phương, đồng thời tạo động lực nâng cao trình độ phát triển đô thị, từng bước đáp ứng các yêu cầu của đô thị loại III.

Nổi bật nhất là Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, được triển khai trên địa bàn các xã Châu Ninh, Khoái Châu và Chí Minh. Dự án có tổng diện tích khoảng 888,5 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD, trong đó khoảng 673,08 ha thuộc địa bàn xã Châu Ninh. Dự án được định hướng phát triển tổ hợp đô thị - du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng - sân golf, gồm sân golf 54 hố, các khu dân cư sinh thái, khu đô thị thương mại - dịch vụ, khu nghỉ dưỡng, biệt thự, công viên, cây xanh và hệ thống công trình dịch vụ, tiện ích đồng bộ. Với quy mô lớn, dự án có vai trò là động lực phát triển không gian đô thị mới của Châu Ninh, góp phần chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, hình thành các khu chức năng đô thị mới, tăng cường thu hút đầu tư, tạo việc làm, phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch, đồng thời thúc đẩy hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và cảnh quan đô thị. Quá trình triển khai dự án đang gắn với công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng; riêng trên địa bàn Châu Ninh diện tích phải thu hồi khoảng 500 ha. Đây là nhiệm vụ có khối lượng lớn, cần tiếp tục thực hiện đồng bộ, đúng quy định, bảo đảm quyền lợi và ổn định đời sống, sinh kế của người dân bị ảnh hưởng.

Cùng với đó, Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng là công trình hạ tầng giao thông quan trọng, có tác động trực tiếp đến khả năng kết nối và tổ chức không gian phát triển của xã. Dự án có tổng chiều dài khoảng 55,68 km, đi qua 13 xã, tổng mức đầu tư khoảng 9.275 tỷ đồng, thời gian thực hiện giai đoạn 2025 - 2027; trên địa bàn xã

Châu Ninh diện tích phải thu hồi khoảng 19,5 ha. Tuyến đường góp phần tăng cường kết nối Châu Ninh với hệ thống giao thông khu vực, mở rộng không gian phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch, tạo điều kiện khai thác các giá trị cảnh quan, văn hóa khu vực sông Hồng và kết nối với các dự án đô thị, du lịch quy mô lớn. Đây được xem là một trong những tuyến hạ tầng khung quan trọng, góp phần định hình cấu trúc không gian đô thị Châu Ninh trong giai đoạn tới.

Bên cạnh các dự án động lực cấp khu vực, xã còn triển khai các dự án khu dân cư và hạ tầng khu dân cư, tiêu biểu là Dự án Khu dân cư nông thôn mới xã Tứ Dân. Các dự án này góp phần bổ sung quỹ đất ở, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang không gian dân cư và từng bước nâng cao điều kiện sống của người dân. Việc đầu tư các khu dân cư theo hướng đồng bộ về giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh và công trình công cộng sẽ góp phần nâng cao chất lượng không gian ở, đáp ứng nhu cầu phát triển dân số và quá trình đô thị hóa.

Nhìn chung, các dự án đang triển khai trên địa bàn xã Châu Ninh có tính liên kết và bổ trợ về chức năng, trong đó dự án đô thị - du lịch - sân golf đóng vai trò hạt nhân tạo động lực phát triển; dự án giao thông dọc sông Hồng tạo khung kết nối vùng; các dự án khu dân cư góp phần hoàn thiện không gian ở và hạ tầng đô thị. Việc triển khai các dự án tạo điều kiện để Châu Ninh chuyển dịch từ mô hình phát triển chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang mô hình đô thị - dịch vụ - du lịch - sinh thái, đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng và cảnh quan.

Tuy nhiên, quá trình triển khai cần tiếp tục tăng cường quản lý quy hoạch, bảo đảm sự thống nhất giữa các dự án với quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành; kiểm soát việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bảo đảm kết nối đồng bộ hạ tầng giữa khu vực phát triển mới và khu dân cư hiện hữu. Đặc biệt, cần chú trọng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ổn định sinh kế của người dân; đồng thời bảo vệ hệ thống cây xanh, mặt nước, hành lang sinh thái và cảnh quan khu vực.

Các dự án đang triển khai là nguồn lực quan trọng thúc đẩy quá trình đô thị hóa và nâng cao trình độ phát triển đô thị của xã Châu Ninh. Với các dự án có quy mô lớn về đô thị, du lịch, giao thông và khu dân cư, Châu Ninh có điều kiện thuận lợi để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tổ chức không gian đô thị, phát triển thương mại - dịch vụ và nâng cao chất lượng môi trường, cảnh quan. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí, hướng tới xây dựng Châu Ninh trở thành đô thị xanh, sinh thái, hiện đại, đồng bộ và phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của đô thị loại III.

2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch

Trong những năm qua, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn được quan tâm triển khai gắn với công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng không gian sống và tạo lập diện mạo khu vực theo hướng văn minh, hiện đại. Trước khi thành lập xã mới, trên địa bàn 04 xã đã triển khai khoảng 125 công trình, dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng, tập trung vào giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ dân sinh, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình đô thị hóa.

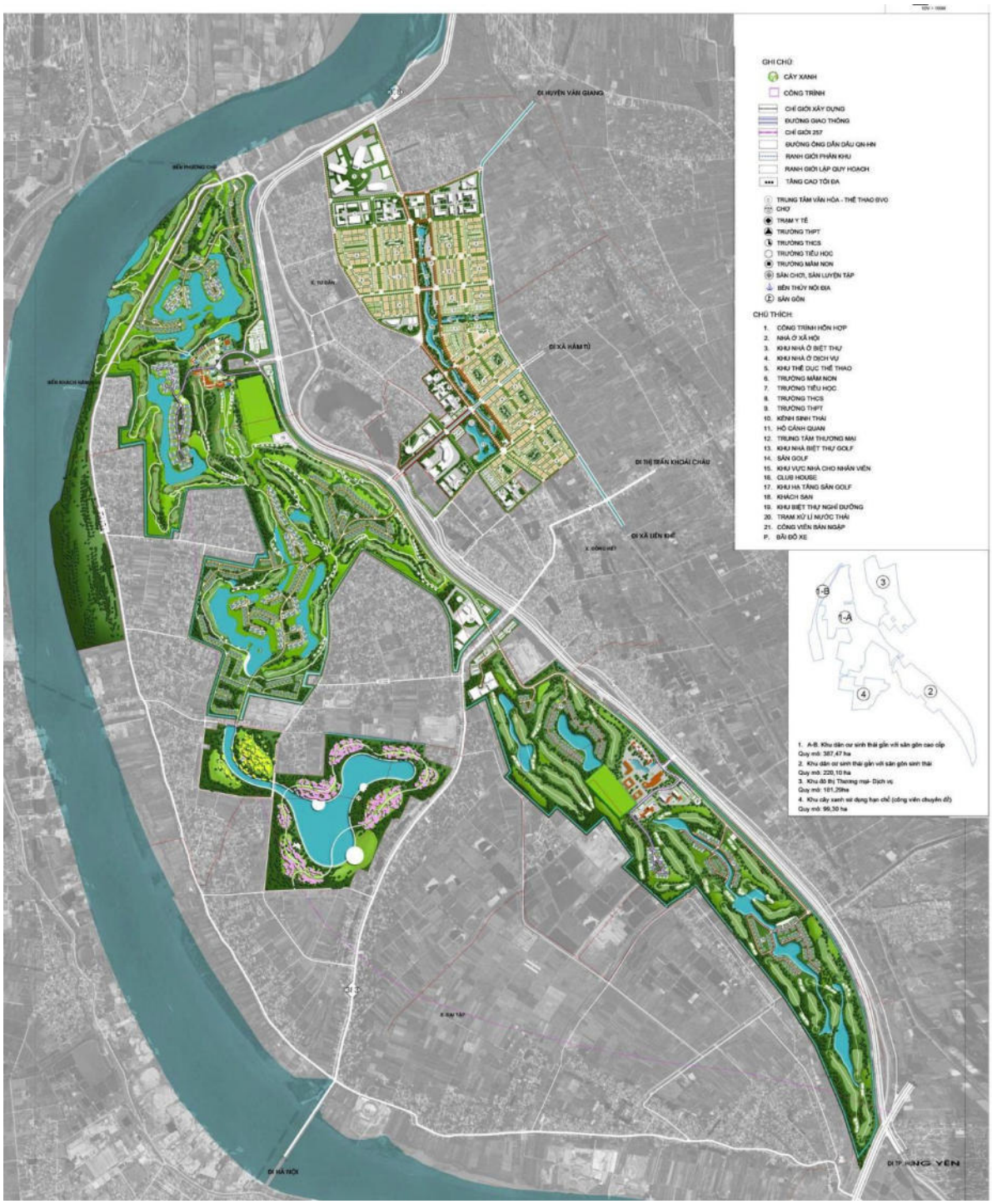
Về giao thông và hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường trục xã, đường liên thôn, đường khu dân cư từng bước được đầu tư cải tạo, nâng cấp; đồng thời triển khai các dự án giao thông đối ngoại có quy mô lớn, tạo động lực mở rộng không gian đô thị. Tiêu biểu là Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng, có chiều dài khoảng 55,68 km, tổng mức đầu tư khoảng 9.275 tỷ đồng, thực hiện trong giai đoạn 2025–2027; đoạn qua Châu Ninh có nhu cầu thu hồi khoảng 19,5 ha đất. Tuyến đường sau khi hoàn thành sẽ tăng cường kết nối Châu Ninh với các khu vực phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch trong tỉnh và vùng phụ cận, đồng thời tạo điều kiện tổ chức, chỉnh trang lại không gian xây dựng dọc các trục giao thông chính.



Hình 2: Dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu

Công tác chỉnh trang và tái cấu trúc không gian đô thị được thúc đẩy mạnh thông qua các dự án phát triển đô thị quy mô lớn, trong đó nổi bật là Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu với quy mô khoảng 888,5 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD, trong đó phần diện tích thuộc Châu Ninh

khoảng 673,08 ha. Dự án định hướng hình thành các khu đô thị sinh thái, thương mại – dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, sân golf, công viên và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Để triển khai dự án, riêng trên địa bàn Châu Ninh dự kiến phải thu hồi khoảng 500 ha đất. Đối với giai đoạn 1, toàn dự án đã có thông báo thu hồi khoảng 569,05 ha, đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khoảng 292,98 ha, đạt 51,48%, và đã thực hiện chi trả đối với khoảng 213,01 ha, đạt 37,43%. Đây vừa là động lực lớn cho chỉnh trang đô thị, vừa đặt ra yêu cầu đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, tái định cư và bảo đảm kết nối đồng bộ giữa khu vực phát triển mới với các khu dân cư hiện hữu.



Hình 3: Sơ đồ tổ chức không gian dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu

Đối với khu dân cư hiện hữu, công tác chỉnh trang cần tiếp tục tập trung vào cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước, cấp nước, điện, chiếu sáng, cây xanh, vệ sinh môi trường và cảnh quan; từng bước nâng cấp các công trình công cộng, không gian sinh hoạt cộng đồng và các tuyến đường trung tâm. Đồng thời, việc triển khai các khu dân cư mới, trong đó có Khu dân cư nông thôn mới xã Tứ Dân, cần được tổ chức phù hợp với định hướng quy hoạch chung, bảo đảm kết nối hạ tầng với khu vực hiện hữu và hạn chế phát triển xây dựng manh mún.

Nhìn chung, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Châu Ninh đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện qua khối lượng đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng/125 công trình, dự án và việc triển khai các dự án động lực quy mô lớn về giao thông, đô thị, du lịch và dịch vụ. Tuy nhiên, mức độ đồng bộ của hạ tầng giữa các khu vực còn chưa cao; một số tuyến đường, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và không gian công cộng cần tiếp tục được đầu tư; công tác giải phóng mặt bằng các dự án lớn còn phức tạp. Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện chỉnh trang theo quy hoạch, ưu tiên các khu vực trung tâm, các trục giao thông chính và khu dân cư hiện hữu; đồng bộ hóa hạ tầng kỹ thuật, bổ sung cây xanh và không gian công cộng, kiểm soát kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng.

2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch

Công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và kiểm soát phát triển không gian theo quy hoạch trên địa bàn xã Châu Ninh trong thời gian qua đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình đô thị hóa. Công tác quản lý được thực hiện trên địa bàn 14 thôn sau khi tổ chức, sắp xếp lại, thông qua việc tăng cường tuyên truyền pháp luật, tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, kiểm tra hiện trạng xây dựng và phối hợp giữa chính quyền, các bộ phận chuyên môn và lực lượng chức năng. Công tác tiếp dân, giải quyết phản ánh, kiến nghị được xác định đã đi vào nền nếp; chất lượng dịch vụ công từng bước được nâng lên.

Quy mô đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Châu Ninh trong thời gian gần đây tăng nhanh, tạo yêu cầu lớn đối với công tác kiểm soát trật tự xây dựng. Trên địa bàn 04 xã trước khi sáp nhập đã triển khai khoảng 125 công trình, dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng. Đặc biệt, Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu có quy mô khoảng 888,5 ha, trong đó khoảng 673,08 ha thuộc Châu Ninh, tạo động lực hình thành các khu đô thị sinh thái, thương mại – dịch vụ, du lịch và không gian xanh mới. Cùng với đó, tuyến đường kết nối di sản

văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng dài khoảng 55,68 km, tổng mức đầu tư 9.275 tỷ đồng, đoạn qua Châu Ninh có nhu cầu thu hồi khoảng 19,5 ha, đang làm thay đổi mạnh cấu trúc không gian và nhu cầu xây dựng trên địa bàn.

Trong bối cảnh đó, công tác quản lý trật tự xây dựng đã từng bước chuyển sang quản lý theo quy hoạch và kiểm soát theo khu vực phát triển; chú trọng các tuyến giao thông chính, khu dân cư hiện hữu, khu vực thực hiện dự án và các khu vực có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật và phối hợp kiểm tra tại cơ sở góp phần nâng cao ý thức chấp hành của người dân, đồng thời hạn chế nguy cơ phát sinh xây dựng tự phát, không phù hợp định hướng quy hoạch. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn cũng được lực lượng Công an xã tăng cường thông qua nắm địa bàn, tuần tra và xử lý các vấn đề phát sinh.

Tuy nhiên, công tác quản lý trật tự xây dựng vẫn cần tiếp tục được tăng cường do tốc độ đô thị hóa và quy mô các dự án đầu tư lớn. Một số khu dân cư hiện hữu còn hình thành từ giai đoạn nông thôn nên kiến trúc, mật độ xây dựng, khoảng lùi và hệ thống hạ tầng chưa đồng bộ; việc kiểm soát xây dựng dọc các tuyến giao thông mới, khu vực chuyển đổi đất và khu vực tiếp giáp các dự án lớn cần được thực hiện thường xuyên hơn. Đặc biệt, cần kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng công trình gắn với mục đích sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, hành lang giao thông – thủy lợi, mật độ, tầng cao và kiến trúc cảnh quan.

Trong giai đoạn tới cần tiếp tục công khai quy hoạch, tăng cường kiểm tra từ sớm, kiểm soát chặt việc cấp phép và xây dựng theo quy hoạch, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, đồng thời ứng dụng bản đồ quy hoạch và cơ sở dữ liệu đất đai trong quản lý. Qua đó bảo đảm xây dựng đúng quy hoạch, đúng mục đích sử dụng đất, đồng bộ hạ tầng và hài hòa cảnh quan, góp phần hoàn thiện tiêu chí quản lý đô thị và tạo cơ sở để Châu Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại III, hướng tới thành lập phường.

2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Châu Ninh

2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Châu Ninh thuộc các Cực phát triển trung tâm, được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Châu Ninh còn có lợi thế như quỹ đất rộng, được

quy hoạch dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái sân golf Khoái Châu có quy mô gần 1.000ha, tổng mức đầu tư trên 1,5 tỷ ÚD; bao gồm hệ thống sân golf VIP 54 hố, khu nghỉ dưỡng, biệt thự cao cấp, quần thể đô thị hiện đại và các tiện ích theo tiêu chuẩn quốc tế; hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Châu Ninh có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Châu Ninh nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô; đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm du lịch, thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế dịch vụ. Ngoài ra, xã Châu Ninh còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Xã Châu Ninh với vị trí nằm trong không gian phát triển ven sông Hồng, có quỹ đất sản xuất nông nghiệp, hệ thống giao thông ngày càng được đầu tư và đang triển khai nhiều dự án đô thị, dịch vụ quy mô lớn, kinh tế Châu Ninh đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng sản xuất nông nghiệp truyền thống, tăng thương mại – dịch vụ, xây dựng và các hoạt động kinh tế đô thị. Mục tiêu tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong những năm qua chính quyền và nhân dân xã Châu Ninh đã nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội.

Năm 2025, kinh tế địa phương duy trì mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 8,7%, thu nhập bình quân đầu người đạt 79,6 triệu đồng/người/năm; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 277,3 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,78%, cho thấy chất lượng đời sống và khả năng tạo thu nhập của người dân tiếp tục được cải thiện. Sang 6 tháng đầu năm 2026, kinh tế tiếp tục duy trì ổn định; thu nhập bình quân đầu người đạt 86,6 triệu đồng/người/năm, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 305,636 tỷ đồng, tốc độ tăng tổng thu ngân sách đạt 10,2%.

a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.909,20 tỷ đồng, tăng 8,70% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.828,63 tỷ đồng, tăng 9,35%; thương mại - dịch vụ đạt 1.356,85 tỷ đồng, tăng 8,92%, nông - lâm - thủy sản đạt 723,72 tỷ đồng, tăng 7,83% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 8,54%, trong đó: năm 2023 tăng 8,23%, năm 2024 tăng 8,70% và năm 2025 tăng 8,70%.

Bảng 1: tổng hợp giá trị sản xuất các ngành xã Châu Ninh giai đoạn 2023 - 2025

Chỉ tiêu/năm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
GTSX theo giá hiện hành (tỷ đồng)	**3.293,44**	**3.589,17**	**3.909,20**
Thương mại - Dịch vụ	1.139,63	1.245,73	1.356,85
Công nghiệp - Xây dựng	1.529,00	1.672,27	1.828,63
Nông - Lâm - Thủy sản	624,81	671,17	723,72

b) Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 34,71%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 46,78% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 18,51% trong cơ cấu kinh tế của xã.

c) Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 68,25 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 71,84 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 79,60 triệu đồng/người/năm.

d) Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 đạt 301,39 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 265,38 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 184,23 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 56,13 tỷ đồng. Cân đối có dư.

đ) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Ninh là 0,71%, trong đó: năm 2023 là 1,05%, năm 2024 là 0,77% và năm 2025 là 0,30%.

*** Sản xuất nông nghiệp**

Lĩnh vực Nông nghiệp trên địa bàn xã đã được chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và hàng hóa. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, kịp thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăn nuôi đến từng hộ gia đình. Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và thị trường. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân có bước chuyển biến từ "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp". Một số mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân, tổ hợp tác và doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến đáng kể về tổ chức sản xuất, chuyển dần sang chăn nuôi tập trung.

Về trồng trọt:

- Diện tích cây trồng hàng năm đạt 499,0 ha đạt 102,9% kế hoạch
- Diện tích cây lương thực có hạt đạt 126,4 ha đạt 108,9% kế hoạch
- Diện tích cây thực phẩm là 50,6 ha đạt 113,9% kế hoạch
- Diện tích cây công nghiệp là 137 ha đạt 74,6% kế hoạch
- Diện tích cây hàng năm là 185,0 ha đạt 131,4 % kế hoạch
- Diện tích cây ăn quả là 631,0 ha đạt 110,6% kế hoạch
- Diện tích trồng cây nhân dân là 0,94 ha đạt 117,5% kế hoạch.

Tổng sản lượng lương thực ước đạt 791,5 tấn đạt 108,2% kế hoạch (trong đó thóc là 287,5 tấn, ngô là 504,0 tấn). Công tác kiểm tra, hướng dẫn chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh được tiến hành thường xuyên; nhân dân tiếp tục chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh các loại cây trồng, trong đó có cây chuối, nhãn, cây có múi, hoa đào… nhìn chung cây sinh trưởng phát triển tốt.

Về chăn nuôi, thuỷ sản:

Công tác giám sát, phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản luôn được quan tâm, đặc biệt là các loại dịch bệnh: Dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm,… đến thời điểm báo cáo không xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Trên địa bàn xã có 270 trang trại, gia trại đã thực hiện việc kê khai để kiểm soát. Tổng đàn bò 293 con cho sản lượng thịt khoảng 78 tấn; đàn lợn 15.286 con trong đó: 1.580 con lợn nái, 13.679 con lợn thịt, 27 con lợn đực giống so với năm 2024 đạt 117,5%. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng khoảng 1.505 tấn; đàn gia cầm khoảng

116.090 con với sản lượng thịt là 5.500 tấn; diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 136,0 ha với tổng sản lượng là 1.156 tấn.

Nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế và đời sống dân cư, phát huy lợi thế vùng bãi và quỹ đất nông nghiệp. Sản xuất đang từng bước chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích, gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất an toàn và hình thành các vùng sản xuất có khả năng cung cấp nông sản cho thị trường. Đây là nền tảng để Châu Ninh phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao kết hợp du lịch trải nghiệm, phù hợp với quá trình đô thị hóa và định hướng phát triển không gian ven sông Hồng.

***Kinh tế thương mại – dịch vụ**

Về thương mại hàng hóa, hoạt động mua bán, cung ứng hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, nông sản, thực phẩm và các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung tại các khu dân cư, dọc các tuyến đường chính và các khu vực có mật độ dân cư cao. Với hơn 36,2 nghìn dân, nhu cầu về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, dịch vụ sửa chữa, vận tải và các dịch vụ phục vụ đời sống tương đối lớn. Hệ thống thương mại hiện nay chủ yếu vẫn là các cơ sở kinh doanh quy mô hộ gia đình và điểm bán hàng phân tán; do đó quy mô và tính chuyên nghiệp của hệ thống thương mại chưa tương xứng với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

Về dịch vụ, các nhóm dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, tài chính – ngân hàng, viễn thông, giáo dục, y tế, dịch vụ phục vụ sản xuất và dịch vụ cá nhân đang từng bước mở rộng. Đáng chú ý, đến ngày 30/9/2025, tổng dư nợ tín dụng chính sách trên địa bàn xã đạt trên 132 tỷ đồng, tăng 3,5 tỷ đồng, tương đương 2,7% so với ngày 30/6/2025; đến cuối năm 2025 toàn xã có 57 Tổ tiết kiệm và vay vốn và 4 điểm giao dịch, góp phần cung cấp nguồn vốn cho hộ dân phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm. Đây là một trong những điều kiện hỗ trợ trực tiếp cho khu vực kinh tế hộ gia đình và dịch vụ tại địa phương.

Đặc biệt, ngành thương mại – dịch vụ của Châu Ninh có dư địa phát triển rất lớn từ các dự án đô thị và du lịch quy mô lớn. Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025. Dự án có quy mô khoảng 888,5 ha, trong đó khoảng 673,08 ha thuộc địa bàn Châu Ninh, định hướng hình thành các khu đô thị sinh thái, thương mại – dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, sân golf, vui chơi giải trí và hệ thống công viên, không gian xanh. Dự án được kỳ vọng tạo ra thị trường mới cho các dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán lẻ, vui chơi giải trí, vận tải, logistics, dịch vụ cá nhân và dịch vụ phục vụ đô thị.

Bên cạnh đó, tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng với chiều dài khoảng 55,68 km, tổng mức đầu tư khoảng 9.275 tỷ đồng, trong đó đoạn qua Châu Ninh cần thu hồi khoảng 19,5 ha, sẽ tạo trục giao thông và không gian phát triển mới cho thương mại – dịch vụ. Việc cải thiện khả năng kết nối sẽ tạo điều kiện hình thành các điểm dịch vụ, cửa hàng, nhà hàng, dịch vụ vận tải, kho bãi, dịch vụ du lịch và các loại hình kinh doanh mới dọc các trục giao thông chính.

Tuy nhiên, quy mô ngành thương mại – dịch vụ hiện nay vẫn còn phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ gia đình; chưa hình thành rõ các trung tâm thương mại, khu dịch vụ tổng hợp và các tuyến phố thương mại có quy mô tương xứng với định hướng đô thị. Chất lượng dịch vụ và khả năng liên kết giữa thương mại – dịch vụ với sản xuất nông nghiệp, du lịch và các dự án đô thị còn hạn chế. Hạ tầng phục vụ thương mại như bãi đỗ xe, chợ, không gian dịch vụ, kho vận và các điểm dịch vụ tập trung cần tiếp tục được đầu tư.

***Kinh tế công nghiệp và xây dựng**

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, gắn với các ngành nghề phục vụ nhu cầu dân cư và sản xuất như chế biến nông sản, cơ khí, sửa chữa, sản xuất vật liệu và các ngành nghề thủ công. Công nghiệp trên địa bàn chưa hình thành các khu, cụm công nghiệp tập trung quy mô lớn, do đó giá trị sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào khu vực hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất nhỏ và hoạt động tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, với quy mô dân số trên 36 nghìn người và quá trình đô thị hóa nhanh, thị trường tiêu thụ tại chỗ ngày càng mở rộng, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản và các cơ sở sản xuất phục vụ đô thị.

Lĩnh vực xây dựng có bước phát triển rõ nét và đang trở thành một trong những động lực tăng trưởng chính. Trước khi thành lập xã mới, trên địa bàn 04 xã đã triển khai khoảng 125 công trình, dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng. Khối lượng đầu tư này tập trung vào kết cấu hạ tầng giao thông, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ dân sinh, góp phần cải thiện điều kiện sản xuất và đời sống, đồng thời tạo việc làm và thị trường cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng.

Động lực lớn nhất đối với ngành xây dựng trong giai đoạn hiện nay là các dự án đô thị và hạ tầng quy mô lớn. Đặc biệt, Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu đang được triển khai trên địa bàn, với quy mô khoảng 888,5 ha, trong đó phần diện tích thuộc Châu Ninh khoảng 673,08 ha. Quá trình triển khai dự án kéo theo nhu cầu lớn về san nền, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình đô thị, nhà ở, thương mại - dịch vụ và các công trình cảnh quan, qua đó tạo dư

địa rất lớn cho ngành xây dựng và các ngành sản xuất, dịch vụ hỗ trợ. Công tác giải phóng mặt bằng đang được tập trung thực hiện; tháng 6/2026, xã đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với 02 hộ gia đình chưa bàn giao đất để bảo đảm tiến độ dự án.

Bên cạnh đó, Dự án tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng là công trình hạ tầng quan trọng tạo động lực phát triển xây dựng trên địa bàn và khu vực. Việc đầu tư các tuyến giao thông mới không chỉ làm tăng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng mà còn mở ra các khu vực phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ và các công trình phụ trợ dọc tuyến. Cùng với đó, xã đang tiếp tục triển khai chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2025–2030, tạo cơ sở để nâng cao năng lực kết nối và phục vụ phát triển các ngành kinh tế.

Nhìn chung, công nghiệp - xây dựng của Châu Ninh đang trong giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất nhỏ, phân tán sang phát triển gắn với đô thị hóa và các dự án đầu tư quy mô lớn. Lĩnh vực xây dựng có nhiều lợi thế và khả năng tăng trưởng nhanh trong những năm tới; trong khi công nghiệp cần tập trung phát triển theo hướng công nghiệp sạch, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản và các ngành sản xuất không gây ô nhiễm, phù hợp với định hướng đô thị sinh thái.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp - xây dựng vẫn còn một số hạn chế: quy mô cơ sở sản xuất nhỏ; chưa hình thành rõ các khu, cụm sản xuất tập trung; liên kết giữa sản xuất với doanh nghiệp và thị trường còn hạn chế; giá trị gia tăng của sản phẩm chưa cao. Trong xây dựng, tốc độ đầu tư tăng nhanh đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng, môi trường và khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội

a) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục, thể thao trên địa bàn xã chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của Đất nước của tỉnh và của địa phương. Thực hiện tốt công tác quản lý thông tin, tuyên truyền trên địa bàn xã.

Chỉ đạo các Thôn triển khai bình xét các danh hiệu văn hoá theo đúng quy trình, năm 2025, toàn xã có 10.090/11.116 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá, đạt tỷ lệ 90,7% và 18/21 thôn đạt chuẩn văn hoá, đạt tỷ lệ 85,7%.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao, thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện quan trọng, những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương (trong năm, triển khai tuyên truyền 479 lượt pano loại nhỏ, 05 pano loại lớn, 368 băng zôn; hơn 20.000 lượt cờ đảng, cờ tổ quốc, cờ chuối, cờ dây và đôn đốc các cơ quan

đơn vị các cơ quan, trường học, các tổ dân phố vận động 85% hộ gia đình treo cờ Đảng, cờ tổ quốc, dọn dẹp vệ sinh tại các trụ sở làm việc, nơi công cộng và khu dân cư). Các hoạt động tuyên truyền kịp thời, sôi nổi, phong phú, đa dạng phục vụ các nhiệm vụ chính trị của xã, các ngày lễ, ngày tết, ngày kỷ niệm như: tuyên truyền kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945-19/8/2025) và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945-02/9/2025); tổ chức các hoạt động ngày chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên và hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10/2025; kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944-22/12/2025).

Tổ chức tuyên truyền hưởng ứng; tuyên truyền ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11) và tháng hành động vì bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2025.

Tập trung chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XIV, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền về Luật nghĩa vụ quân sự và Kế hoạch tuyển quân của xã năm 2025.

Tham mưu xây dựng kế hoạch tuyên truyền cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tuyên truyền sâu rộng có trọng tâm, trọng điểm, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức thành công cuộc bầu cử, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới đất nước.

UBND xã giao phòng Văn hoá - Xã hội phối hợp Trung tâm dịch vụ Văn hóa - xã hội và các phòng ban chuyên môn tăng cường tuyên truyền về công tác giải phóng mặt bằng 02 dự án trọng điểm trên địa bàn: Dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu và tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng qua hệ thống truyền thanh, Cổng thông tin điện tử xã, trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân hiểu đúng, làm đúng; tạo sự đồng thuận xã hội; tạo sự thống nhất về nhận thức, đồng thuận trong nhân dân, đảm bảo công khai - minh bạch, hạn chế khiếu kiện và vi phạm, góp phần đẩy nhanh tiến độ dự án và giữ vững ổn định xã hội.

b) Công tác chính sách an sinh xã hội:

Thực hiện và đảm bảo 100% hồ sơ đối tượng bảo trợ, trợ cấp xã hội theo quy định của cấp trên. Giải quyết 100% chế độ, chính sách cho gia đình chính sách, người có công theo quy định của Nhà nước. Thực hiện đảm bảo cấp quà của Trung ương, của tỉnh cho gia đình chính sách người có công đảm bảo theo quy định nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh như: 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Tết Nguyên đán; 50 năm Giải phóng miền

Nam thống nhất đất nước; 78 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ; kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2025) và 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Xã hiện có 1.122 đối tượng là người có công được trợ cấp hàng tháng số tiền 2.562.916.781 đồng.

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho đối tượng người có công luôn được quan tâm triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác an sinh xã hội được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, thường xuyên đúng đối tượng, tiêu chí, đảm bảo chính sách người có công; hỗ trợ kịp thời các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế,…

Tham mưu cho UBND xã đăng ký mã số thuế; Mã số quan hệ ngân sách; Mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước để chi trả nguồn kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; Phối hợp bộ phận chuyên môn thanh toán các khoản chi hoạt động cụ thể như chi trả cho cán bộ, công chức nhân dịp lễ tết 2/9 theo chế độ quy định.

Phối kết hợp bộ phận chuyên môn và điểm bưu điện Châu Ninh chi trả kịp thời trợ cấp hưu trí xã hội cho đối tượng từ đủ 75 tuổi trở lên chi trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội và Người có công; chi trả trợ cấp và chi hỗ trợ mai táng khi đối tượng bảo trợ xã hội và người có công từ trần theo các quyết định của UBND xã và của Sở Nội vụ đúng quy định.

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ BHXH, BHYT, đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách theo quy định. Thực hiện tốt công tác phát triển các đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn xã. Số người tham gia BHXH bắt buộc: 1.897; BHXH tự nguyện: 378 người; Bảo hiểm thất nghiệp: 1.788 người. Tỷ lệ bao phủ BHXH, BHYT đạt trên 90%.

Cấp quà cho Nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9: tổng số 31.181 xuất quà trị giá: 3.181.000.000đ. Chú trọng phối hợp giải quyết việc làm và tăng việc làm mới nhằm tăng thu nhập cho người lao động. Hoàn thành việc xoá 85/85 nhà tạm, dột nát.

c) Công tác y tế:

Tổ chức Hội nghị họp kết luận dạng và mức độ khuyết tật cho: 58 đối tượng. Cấp Giấy xác nhận khuyết tật cho 26 đối tượng; Tiếp nhận thẩm định, xử lý cho 16 đối tượng hưởng trợ cấp Hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP; Tiếp nhận, thẩm định xử lý hồ sơ biến động cho 511 hồ sơ đối tượng BTXH, chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội: 2.067 đối tượng; chi trả trợ cấp mai táng phí cho: 24 đối tượng, với số tiền 240.000.000đ.

Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nhất là dịch bệnh lây truyền qua đường hô hấp, dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, đẩy mạnh các hoạt động cao điểm phòng, chống tay chân miệng, sốt xuất huyết…. Duy trì công tác tiêm chủng đảm bảo an toàn, công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường công tác phòng chống thuốc giả, thuốc cổ truyền mạo danh không rõ nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm bảo vệ sức khoẻ giả. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật, kiến thức về an toàn thực phẩm; giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các sự kiện trọng điểm trên địa bàn (Trong năm 2025, các Trạm y tế đã tổ chức khám chữa bệnh bằng BHYT cho 4.562 lượt người, khám dự phòng 1.004 lượt; Tổ chức uống vitamin A cho 2.066 trẻ; Phối hợp khám bệnh lao miễn phí cho 460 lượt người; Sàng lọc tăng huyết áp, đái tháo đường cho 518 lượt người dân trên 40 tuổi; Phối hợp khám mắt cho 1.953 người; Khám sức khỏe cho 1.659 người cao tuổi; khám sức khoẻ cho 4.423 học sinh khối Mầm non, Tiểu học và THCS; Hoàn thành tiêm chủng bổ sung vắc xin Bạch hầu - Ho gà cho 3 trường tiểu học: tổng số học sinh được tổng hợp rà soát là 463 học sinh.

d) Công tác giáo dục và đào tạo

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng trung tâm học tập cộng đồng xã. Thành lập đoàn khảo sát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các trường học trên địa bàn. Chỉ đạo các nhà trường tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2025-2026 và ngày toàn dân đưa trẻ đến trường; tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam; thành lập đoàn đại biểu đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN thăm và chúc mừng các trường học ngày khai giảng, Ngày giáo Việt Nam 20/11. Chỉ đạo các trường tích cực tham dự các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh.

Năm học 2025 - 2026 trên địa bàn xã có 10 trường công lập (04 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS, 02 trường TH&THCS); 02 nhóm trẻ tư thục. Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có 293 người, cấp Mầm non: 99 người, cấp TH: 63 người, cấp THCS: 53 người, cấp TH & THCS: 79 người.

Kết quả huy động trẻ mầm non đến trường: 463/463 trẻ, đạt 100%; huy động trẻ đến tuổi vào lớp 1: 463/463 trẻ, đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 với 1678/1682 học sinh, đạt 99,76%; học sinh Tốt nghiệp THCS vào lớp 10 THPT: 1705/1727 học sinh, đạt 98,73%; Tỷ lệ học sinh Tốt nghiệp THCS vào học giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên: 1561/1715 học sinh, đạt 91,02 %.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trong năm 2025, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã được triển khai nghiêm túc, theo đúng quy định của pháp luật; đảm

bảo ổn định an ninh trật tự, đoàn kết trong nhân dân, phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong đời sống cộng đồng.

Xã hiện có tổng cộng 42 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm: 10 chùa, 23 đình, 04 đền, 01 lăng quan tạ (tín ngưỡng dân gian), và 08 họ giáo (Công giáo). Các cơ sở này gắn liền với nhiều lễ hội truyền thống tiêu biểu của địa phương, được tổ chức hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương tham gia như: Lễ hội truyền thống Đền Ngự Dội, Đình Làng Phương Trù, Lễ hội rước nước Đình Mạn Trù Châu, Đình Nội Doanh… Việc duy trì và tổ chức các lễ hội không chỉ góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong việc giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn" trong cộng đồng.

2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Lực lượng vũ trang duy trì và thực hiện nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Duy trì lực lượng dân quân tự vệ bảo đảm 100% quân số, bảo vệ an toàn tuyệt đối trước, trong và sau các ngày Lễ và các sự kiện quan trọng của đất nước của tỉnh. Tổ chức Lễ ra quân huấn luyện chiến đấu đầu năm 2025 đảm bảo; thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng.

Uỷ ban nhân dân xã tổ tuyên truyền viên giáo dục quốc phòng, an ninh quy chế hoạt động đảm bảo theo quy định. Tổ chức rà soát các đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, lập danh sách báo cáo Hội đồng GDQP và an ninh tỉnh đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

Thực hiện kế hoạch của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc xây dựng kiện toàn lực lượng Dân quân năm 2025, UBND xã kiện toàn xây dựng lực lượng dân quân theo biên chế. Công tác xây dựng và củng cố lực lượng DQTV bổ sung cho các đơn vị theo đúng chỉ tiêu được giao hàng năm.

Thường xuyên duy trì chế độ đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, Quân nhân xuất ngũ theo đúng quy định. Thực hiện tốt việc nắm nguồn phục vụ cho công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và huy động lực lượng DBĐV tham gia huấn luyện theo kế hoạch.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được xác định là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, UBND xã chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự xã và các phòng, ban ngành, đơn vị có liên quan tập trung triển khai và gọi công dân nhập ngũ năm 2025. Kết quả năm 2025 đã giao 60 công dân, hoàn thành 100% chỉ tiêu.

Công tác chuẩn bị cho khám tuyển NVQS năm 2026 được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, công khai và đảm bảo đúng quy trình theo luật NVQS hiện

hành. Công tác rà soát, phúc tra nguồn tuyển quân được triển khai tới từng cơ sở thôn để nắm nguồn phục vụ cho công tác chốt quân số phát lệnh gọi khám tuyển hoạch.

Tiếp tục đề nghị trợ cấp theo quyết định số 142 và 62 của thủ tướng chính phủ cho các đối tượng còn tồn sót. Đề nghị trên cấp lại Quyết định trợ cấp một lần cho các đối tượng để làm chế độ mai táng phí cho các đối tượng khi qua đời.

b) An ninh

Lực lượng công an xã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu Ban chỉ đạo phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc xây dựng, ban hành kế hoạch xây dựng phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Tham mưu Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 09 của Ban Bí thư "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chương trình số 09/CTr-BCA-MTTQTW giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên với Bộ Công an về "Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới".

Uỷ ban nhân dân xã thành lập Ban ATGT tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 28/7/2025. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban an toàn giao thông, phân công nhiệm vụ cho các thành viên đảm bảo theo quy định; Ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/9/2025 về triển khai công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông các tháng cuối năm năm 2025.

Công an xã thường xuyên tăng cường công tác tuần tra vũ trang ban đêm kết hợp kiểm tra cư trú trên địa bàn toàn xã. Thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tổ chức tuyên truyền vận động người dân không tàng trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng các loại pháo, vật liệu nổ. Xử lý 30 trường hợp vi phạm về cư trú với tổng số tiền phạt là 22.500.000đ; vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông với tổng số tiền phạt là 15.400.000 đồng. Công tác quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT, xử lý hành chính 01 trường hợp, phạt 1.500.000 đồng; xử phạt hành chính 07 trường hợp với tổng số tiền phạt 2.800.000đ vi phạm về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy.

Quản lý chặt chẽ các loại đối tượng tại địa bàn, trong đó có 02 đối tượng diện giáo dục tại xã; 01 đối tượng đang hoãn thi hành án; 01 đối tượng cải tạo không giam giữ và 53 đối tượng bị án treo đang được quản lý.

2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động

2.5.3.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã cung cấp, xã Châu Ninh có quy mô dân số là 36.442 người, trong đó dân số thường trú là 36.179 người và dân số tạm trú là 263 người. Trên địa bàn xã Châu Ninh chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Châu Ninh.

2.5.3.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số toàn đô thị đạt 1.640 người/km^2. Mật độ dân số trên địa bàn thị trấn phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm xã Châu Ninh thì mật độ cao hơn khu vực khác trên địa bàn xã. Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Châu Ninh năm 2025 là 2.222,23 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị là 562,36 ha chiếm 25,26% và đất khác 1.663,87 ha chiếm 74,74%. Hiện trạng sử dụng đất xã Châu Ninh, được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 2: Thống kê hiện trạng sử dụng trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025

TT	Loại đất	Diện tích (ha)
	Diện tích đất tự nhiên	**2.222,23**
A	**Đất xây dựng đô thị**	***562,36***
I	***Đất dân dụng***	481,59
1	Đất ở	236,20
2	Đất công trình công cộng	67,62
3	Đất cây xanh công cộng	22,23
4	Đất giao thông đối nội	155,54
II	***Đất ngoài dân dụng***	**80,78**
1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng, cơ sở SXKD	44,40
2	Giao thông đối ngoại	0,06
3	Đất cơ quan, trụ sở	2,04
4	DĐất xây dựng công trình sự nghiệp	13,31
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	14,17
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,40
7	An ninh quốc phòng	0,40

B	**Đất khác**	**1.663,87**
1	Đất nông nghiệp	1.387,03
2	Đất đồi chưa sử dụng	0,00
3	Đất bằng chưa sử dụng	7,85
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	268,98
5	Đất khác	0,01

Nguồn: UBND xã Châu Ninh.

2.5.3.4. Lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 24.200 người, chiếm 67,12% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 21.116 người, chiếm tỷ lệ 87,26% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.625 người, chiếm tỷ lệ 21,9%; lao động công nghiệp và xây dựng là 11.276 người, chiếm tỷ lệ 53,4%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.215 người, chiếm tỷ lệ 24,70%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 16.491 người, chiếm tỷ lệ 78,1%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Châu Ninh.

2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng nhà ở

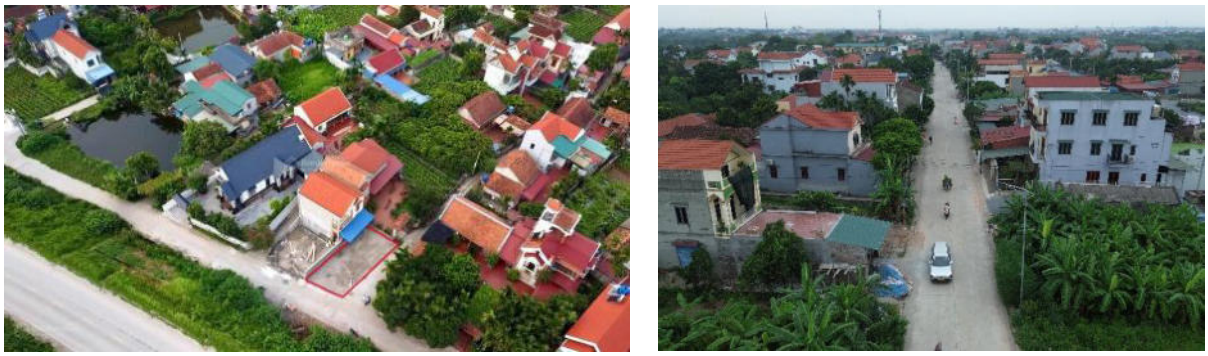
Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Châu Ninh chủ yếu là nhà ở riêng lẻ, hình thành trong các khu dân cư của 04 xã cũ. Nhà ở phân bố tập trung dọc các tuyến giao thông chính, các trục đường liên xã, liên thôn và khu vực trung tâm các thôn; hình thức phổ biến gồm nhà ở kết hợp sân vườn, nhà ở riêng lẻ từ 1–3 tầng và nhà ở kết hợp kinh doanh dịch vụ. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa, nhiều hộ dân đã đầu tư xây dựng, cải tạo nhà ở theo hướng kiên cố, hiện đại hơn; đặc biệt tại các khu vực trung tâm và dọc các tuyến giao thông có hoạt động thương mại – dịch vụ.

Quỹ đất ở mới đang từng bước được bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở và tạo động lực chỉnh trang, phát triển đô thị. Trong năm 2026, xã đã tổ chức đấu giá 06 suất đất ở tại khu dân cư mới xã Tứ Dân, tổng diện tích 825,43 m², tổng giá khởi điểm trên 10,73 tỷ đồng; kết quả giá trúng cao nhất đạt 34,6 triệu đồng/m², thấp nhất 22,2 triệu đồng/m². Đáng chú ý, tháng 8/2026, xã tiếp tục đấu giá thành công 32 suất đất ở tại Dự án Khu dân cư nông thôn mới xã Tứ Dân, tổng diện tích 3.417,61 m², tổng giá khởi điểm trên 45 tỷ đồng, với 109 khách hàng tham gia và 206 hồ sơ hợp lệ; giá trúng cao nhất đạt 26,265 triệu đồng/m², thấp nhất 16,9 triệu đồng/m².

Bên cạnh đó, xã đã triển khai đấu giá 23 suất đất ở tại khu dân cư nông thôn mới xã Tân Châu cũ, với tổng giá khởi điểm khoảng 32,05 tỷ đồng; diện tích các suất đất chủ yếu trong khoảng 79–95 m²/suất. Đây là cơ sở quan trọng để bổ sung quỹ đất ở, đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở của người dân và tạo nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng.

Nhìn chung, chất lượng nhà ở trên địa bàn có xu hướng được nâng cao, tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố ngày càng tăng; nhiều nhà ở mới có quy mô 2–3 tầng, kiến trúc tương đối hiện đại, đồng thời kết hợp chức năng kinh doanh dịch vụ. Tuy nhiên, tại các khu dân cư hình thành lâu đời vẫn còn nhà ở xây dựng từ nhiều năm trước, nhà cấp 4, công trình phụ trợ và kiến trúc chưa đồng bộ; một số khu vực còn tình trạng nhà ở xen kẽ đất sản xuất, vườn, công trình phụ trợ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tổ chức không gian đô thị. Hệ thống sân, ngõ, thoát nước, chiếu sáng và cảnh quan tại một số khu dân cư cũng cần tiếp tục được cải tạo đồng bộ.

Với quy mô 36.218 người và quá trình phát triển 125 công trình, dự án với tổng vốn khoảng 1.000 tỷ đồng trong giai đoạn trước khi sáp nhập, nhu cầu phát triển nhà ở của Châu Ninh được dự báo tiếp tục tăng. Đặc biệt, việc triển khai các dự án đô thị, giao thông và dịch vụ quy mô lớn sẽ làm gia tăng nhu cầu nhà ở mới, nhà ở tái định cư và nhà ở phục vụ người lao động.



Hình 4: Hiện trạng về công trình nhà ở trên địa bàn xã Châu Ninh

Nhà ở Châu Ninh đang chuyển dịch rõ từ mô hình nhà ở nông thôn truyền thống sang nhà ở có tính chất đô thị, nhất là tại khu vực trung tâm và các khu dân cư mới. Quỹ đất ở được bổ sung tương đối tích cực, thể hiện qua 61 suất đất ở đã được đưa ra đấu giá trong các đợt tiêu biểu năm 2026, với tổng diện tích khoảng 4.243 m²; nhu cầu thực tế khá cao. Tuy nhiên, cần tiếp tục chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, nâng cao chất lượng nhà ở, kiểm soát mật độ – tầng cao – kiến trúc công trình, đồng bộ giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và vệ sinh môi trường; đồng thời chủ động bố trí quỹ đất cho nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư và nhà ở phục vụ quá trình đô thị hóa, qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển Châu Ninh theo định hướng trở thành phường Châu Ninh trong giai đoạn tới.

b) Cơ quan hành chính

Về hệ thống trụ sở hành chính: Trụ sở UBND xã Châu Ninh hiện là đầu mối làm việc và cung cấp dịch vụ hành chính công cho toàn xã; đồng thời là địa điểm tổ chức các hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan, ban, ngành của xã. Việc niêm yết các thông tin hành chính, danh sách cử tri và các nội dung lấy ý kiến nhân dân đều được thực hiện tại trụ sở UBND xã, cho thấy công trình đang giữ vai trò trung tâm hành chính của đơn vị hành chính mới.

Bên cạnh trụ sở chính, do xã mới được hình thành từ 04 đơn vị hành chính trước đây nên trên địa bàn vẫn còn các cơ sở, trụ sở làm việc của các xã cũ, trong đó có trụ sở UBND các xã Đông Ninh, Tứ Dân, Tân Châu và Đại Tập. Một số cơ sở đang tiếp tục được tận dụng làm địa điểm giao dịch, làm việc hoặc phục vụ các hoạt động chuyên môn. Chẳng hạn, hệ thống giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Châu Ninh hiện duy trì 04 điểm giao dịch, gồm điểm tại trụ sở UBND xã Châu Ninh, trụ sở UBND xã Đông Ninh cũ, trụ sở UBND xã Tứ Dân cũ và Nhà văn hóa thôn Lãnh Điển thuộc khu vực Đại Tập cũ.

Về các công trình trụ sở lực lượng vũ trang: Công an xã Châu Ninh và Ban Chỉ huy Quân sự xã là các đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Sau khi thành lập xã mới, Công an xã Châu Ninh tiếp tục được kiện toàn tổ chức và triển khai nhiệm vụ trên phạm vi toàn địa bàn; hệ thống cơ sở làm việc của lực lượng công an tại các khu vực xã cũ cũng đang được rà soát, sắp xếp phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Về cơ sở vật chất và khả năng đáp ứng: Nhìn chung, hệ thống trụ sở cơ quan trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc và quản lý nhà nước hiện nay. Tuy nhiên, do được hình thành từ các đơn vị hành chính trước đây, mạng lưới trụ sở còn phân tán, cơ sở vật chất và quy mô công trình không đồng đều, một số công trình được xây dựng từ giai đoạn trước, chưa được thiết kế theo yêu cầu của một đơn vị hành chính có quy mô trên 36.000 dân. Sau sắp xếp, một số cơ sở có

khả năng dư thừa diện tích hoặc công năng trong khi trụ sở trung tâm có thể phát sinh nhu cầu mở rộng, cải tạo để đáp ứng yêu cầu làm việc tập trung.

Đặc biệt, trong quá trình xây dựng phường Châu Ninh, yêu cầu đối với hệ thống trụ sở cơ quan sẽ cao hơn về tính tập trung, khả năng tiếp cận của người dân, chất lượng kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật. Việc xã đang triển khai chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2025–2030, đồng thời thực hiện Đề án thành lập phường Châu Ninh, là cơ sở để từng bước hoàn thiện hệ thống công trình hành chính và công cộng theo hướng đô thị.



Hình 5: Trụ sở UBND xã Châu Ninh



Hình 6: Trụ sở Công an xã Châu Ninh

Hệ thống trụ sở cơ quan trên địa bàn Châu Ninh hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, song còn tồn tại tình trạng phân tán và chưa đồng bộ về quy mô, chất lượng, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật. Trong giai đoạn tới cần rà soát toàn bộ quỹ đất, nhà và công trình trụ sở sau sáp nhập; xác định rõ các cơ sở tiếp tục sử dụng, cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc xử lý theo quy định. Ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp trung tâm hành chính xã, bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin, không gian tiếp dân, bãi đỗ xe, cây xanh và cảnh quan; từng bước hình thành khu trung tâm hành chính tập trung, gắn với các công trình công cộng và dịch vụ đô thị.

c) Công trình Y tế

Về mạng lưới cơ sở, sau hợp nhất, Trạm Y tế xã Châu Ninh kế thừa hệ thống cơ sở vật chất của 04 trạm y tế xã trước đây, qua đó vẫn duy trì khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các khu vực dân cư. Trong đó, hồ sơ đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Tứ Dân trước đây xác định diện tích đất khoảng 0,16 ha, tương đương 1.600 m². Đây là cơ sở có quỹ đất tương đối thuận lợi để tiếp tục khai thác cho chức năng y tế cơ sở.

Về quy mô công trình và tầng cao, các cơ sở y tế trên địa bàn chủ yếu là công trình thấp tầng, phù hợp với chức năng trạm y tế tuyến cơ sở, gồm khối nhà khám bệnh, phòng chức năng, khu hành chính, khu tiêm chủng và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên, do các cơ sở được đầu tư ở các thời kỳ khác nhau nên quy mô diện tích đất, diện tích sàn, số tầng và mức độ hoàn thiện cơ sở vật chất giữa các điểm còn

chưa đồng đều. Một số công trình cần tiếp tục rà soát về khả năng đáp ứng yêu cầu sử dụng sau khi hợp nhất thành một trạm y tế có phạm vi phục vụ toàn bộ 36.218 người.



Hình 7: Trạm y tế xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên

Hiện Trạm Y tế xã Châu Ninh có 36 cán bộ, viên chức, được tổ chức thành 05 khoa, phòng, thực hiện các nhiệm vụ khám chữa bệnh, phòng chống dịch, y tế dự phòng, tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dân số, an toàn thực phẩm và quản lý bệnh mạn tính. Hoạt động chuyên môn năm 2026 tiếp tục được duy trì, trong đó Trạm đã thực hiện khám sức khỏe, sàng lọc cho nhiều nhóm dân cư, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và các phần mềm quản lý chuyên ngành.

Về cơ sở vật chất, hệ thống hiện có cơ bản đáp ứng các chức năng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của một địa bàn đang đô thị hóa nhanh, cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp khối khám bệnh, phòng cấp cứu, phòng tiêm chủng, phòng xét nghiệm, khu lưu bệnh nhân, khu hành chính, kho thuốc, khu xử lý chất thải y tế, hệ thống cấp nước, thoát nước, điện, phòng cháy chữa cháy và hạ tầng công nghệ thông tin. Đồng thời cần bố trí đủ sân, cây xanh, khu vực chờ và bãi đỗ xe, bảo đảm tiếp cận thuận tiện cho người dân.

Theo quy chuẩn quy hoạch, trạm y tế cấp đơn vị ở có quy mô đất tối thiểu khoảng 500 m^2/trạm; vì vậy các cơ sở y tế hiện hữu cần tiếp tục được rà soát về diện tích đất và khả năng mở rộng để bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn khi Châu Ninh chuyển sang mô hình đô thị.

Hệ thống công trình y tế trên địa bàn Châu Ninh có mạng lưới tương đối thuận lợi do kế thừa 04 cơ sở y tế của các xã cũ, trong đó đã xác định được ít nhất một cơ sở có quỹ đất 1.600 m^2. Việc hợp nhất thành Trạm Y tế xã Châu Ninh là bước quan trọng trong tổ chức lại mạng lưới y tế cơ sở. Tuy nhiên, cần tiếp tục kiểm kê chính xác diện tích đất, diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng và chất lượng từng cơ sở; cải tạo các hạng mục xuống cấp; bổ sung trang

thiết bị và hạ tầng kỹ thuật, đồng thời nghiên cứu tổ chức lại mạng lưới các điểm phục vụ phù hợp với phân bố dân cư. Trong giai đoạn tới, cần ưu tiên xây dựng Trạm Y tế Châu Ninh theo hướng hiện đại, đa chức năng, tăng cường y tế dự phòng và quản lý sức khỏe cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và nâng cao chất lượng sống của trên 36.000 dân.

d) Công trình giáo dục

Hệ thống giáo dục trên địa bàn được hình thành tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Năm học 2025–2026, toàn xã có 10 cơ sở giáo dục công lập, gồm 04 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02 trường liên cấp TH&THCS. Quy mô đào tạo gồm 61 nhóm, lớp mầm non với 1.267 trẻ; 74 lớp tiểu học với 2.421 học sinh; 56 lớp THCS với 2.193 học sinh. Như vậy, tổng quy mô học sinh từ mầm non đến THCS khoảng 5.881 trẻ, học sinh, cho thấy nhu cầu sử dụng hệ thống cơ sở giáo dục trên địa bàn tương đối lớn.

Mạng lưới trường học được phân bố tại các khu dân cư của 04 xã cũ, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tiếp cận trường học. Các cơ sở giáo dục cơ bản duy trì ổn định hoạt động dạy và học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục và đào tạo tại địa phương. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao; năm học 2025–2026 có 01 học sinh đạt thành tích cấp quốc gia, 88 học sinh đạt thành tích cấp tỉnh, 86 học sinh đạt thành tích cấp xã và 663 học sinh đạt thành tích tại các kỳ thi, hội thi cấp trường. Công tác chuyển đổi số được triển khai tại 100% nhà trường, trong đó các trường thực hiện chữ ký số, phê duyệt kế hoạch bài dạy bằng chữ ký số và ứng dụng giáo dục STEM trong giảng dạy.

Về đội ngũ giáo viên, năm học 2025–2026 xã đã tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp xã với 35 giáo viên, gồm 08 giáo viên mầm non, 16 giáo viên tiểu học và 11 giáo viên THCS. Kết quả cho thấy đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và đổi mới phương pháp giáo dục; tuy nhiên, trong quá trình sắp xếp lại mạng lưới trường lớp cần tiếp tục cân đối đội ngũ theo quy mô học sinh và cơ cấu môn học, hạn chế tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.

Bảng 3: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Châu Ninh

TT	Tên trường	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mức độ đạt chuẩn quốc gia
I	**Trường THCS**	2			
1	Trường THCS Tân Châu		8,186	8,186	1
2	Trường THCS Tứ Dân		3,793	3,793	1

II	**Trường Tiểu học**	2			
1	Trường Tiểu học Tân Châu		5,917	5,917	1
2	Trường Tiểu học Tứ Dân		6,227	6,227	1
III	**Trường Mầm non**	4			
1	Trường Mầm non Tân Châu		11,083	11,083	1
2	Trường Mầm non Tứ Dân		2.200	2.200	0
3	Trường Mầm non Đại Tập		4255	4255	1
4	Trường Mầm non Đông Ninh		4,535	4,535	1
IV	**Trường TH&THCS**	2			
1	Trường TH & THCS Đông Ninh		9,081	9,081	1
2	Trường TH & THCS Đại Tập		22,902	22,902	2
	Tổng				

Nguồn: Phòng Văn hóa – Xã hội xã Châu Ninh

Về cơ sở vật chất, các trường học trên địa bàn cơ bản có hệ thống phòng học, phòng chức năng, khu hành chính, sân chơi và các hạng mục phụ trợ phục vụ hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, do mạng lưới trường học được hình thành từ 04 đơn vị hành chính cũ, quy mô và mức độ đầu tư giữa các cơ sở còn chưa đồng đều. Một số cơ sở cần tiếp tục cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu giáo dục hiện đại và tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia.

Đáng chú ý, thực hiện phương án sắp xếp cơ sở giáo dục của tỉnh Hưng Yên năm 2026, xã Châu Ninh đang tổ chức lại mạng lưới từ 10 trường xuống còn 03 trường công lập, gồm 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS. Việc sắp xếp nhằm sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, giảm đầu mối quản lý nhưng vẫn phải bảo đảm không làm gián đoạn việc dạy và học, đồng thời duy trì khả năng tiếp cận trường học của học sinh tại các khu dân cư.




Hình 8: Một số cơ sở trường Mầm Non trên địa bàn xã Châu Ninh




Hình 9: Trường tiểu học trên địa bàn xã Châu Ninh




Hình 10: Trường trung học cơ sở Châu Ninh

Hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn Châu Ninh cơ bản đáp ứng nhu cầu giáo dục hiện tại, có mạng lưới trường học tương đối rộng, quy mô 5.881 trẻ và học sinh ở các cấp mầm non, tiểu học và THCS. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, quy mô dân số 36.218 người và sự gia tăng nhu cầu nhà ở, dân cư mới sẽ tiếp tục làm tăng nhu cầu về trường lớp trong tương lai. Vì vậy, cần rà soát quỹ đất giáo dục sau khi sắp xếp trường học; ưu tiên cải tạo, nâng cấp các cơ sở hiện hữu, bổ sung phòng học và phòng chức năng, sân chơi – bãi tập, cây xanh, giao thông tiếp cận và hạ tầng số; đồng thời dành quỹ đất hợp lý cho phát triển trường học tại các khu dân cư mới. Việc tổ chức mạng lưới giáo dục cần gắn với quy

hoạch phát triển đô thị, bảo đảm bán kính phục vụ, khả năng tiếp cận thuận lợi và đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở giáo dục trong quá trình xây dựng phường Châu Ninh.

e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa - thể dục thể thao trên địa bàn được hình thành chủ yếu từ mạng lưới thiết chế của các xã và thôn trước khi sáp nhập, gồm Nhà văn hóa xã, Nhà văn hóa thôn, sân thể thao, sân bóng đá, sân bóng chuyền và các không gian sinh hoạt cộng đồng. Đây là hệ thống cơ sở quan trọng phục vụ sinh hoạt văn hóa, hội họp, tuyên truyền, văn nghệ, thể thao và các hoạt động cộng đồng của nhân dân.

Bảng 4: Thống kê các công trình di tích được xếp hạng trên địa bàn xã Châu Ninh

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu		
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
1	Đình Phương Trù	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		**x**	
2	Đền Ngự Dội	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		x	
3	Đình Mạn Trù Châu	thôn Hồng Châu, xã Châu Ninh		x	
4	Đình Tử Lý	thôn Đông Ninh, xã Châu Ninh		x	
5	Đình Nội Doanh	thôn Nội Doanh, xã Châu Ninh		x	
6	Đền Quan trấn Bắc	thôn Lãnh Điền, xã Châu Ninh		x	
7	Đình Phù Sa Thượng	thôn Lãnh Điền, xã Châu Ninh		x	
8	Chùa Phù Sa Vân Quang Tự	thôn Lãnh Điền, xã Châu Ninh		x	

Nguồn: UBND xã Châu Ninh

Về thiết chế văn hóa cơ sở, trước khi sắp xếp đơn vị thôn, trên địa bàn có 21 thôn; năm 2026 xã đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thành 14 thôn. Việc sắp xếp đồng thời gắn với tổ chức lại các điểm sinh hoạt cộng đồng và Nhà văn hóa thôn. Theo phương án được công bố, Nhà văn hóa cũ được lựa chọn làm địa điểm sinh hoạt cho các thôn sau sắp xếp; một số trường hợp cần đầu tư mới. Chẳng hạn, Nhà văn hóa thôn Phương Trù có diện tích 368 m², Nhà văn hóa thôn Mạn Xuyên khoảng 200 m²; đối với thôn Minh Khai, trước mắt sử dụng đình làng làm nơi sinh hoạt và địa phương đang quy hoạch vị trí xây dựng Nhà văn hóa mới.



Hình 11: Nhà văn hóa thôn Nội Doanh trên địa bàn xã Châu Ninh

Ngoài hệ thống Nhà văn hóa thôn, Nhà Văn hóa xã Châu Ninh hiện là thiết chế văn hóa cấp xã, được sử dụng để tổ chức hội nghị, các hoạt động văn hóa - xã hội, hội họp và các sự kiện cộng đồng. Trong năm 2026, Nhà Văn hóa xã đã được sử dụng để tổ chức nhiều hoạt động cấp xã, trong đó có các hội nghị tổng kết năm học và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.



Hình 12: Một số công trình di tích văn hóa trên địa bàn xã Châu Ninh

Về hệ thống thể dục thể thao, phong trào thể thao quần chúng phát triển khá mạnh. Năm 2026, xã tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao xã Châu Ninh lần thứ I, với các hoạt động thi đấu và giao lưu thể thao trên địa bàn. Giải bóng chuyền hơi nam, nữ có hơn 100 vận động viên, 9 đội bóng tham gia; giải bóng đá nam được tổ chức tại sân vận động Trường TH&THCS Đại Tập, thu hút đông đảo nhân dân tham gia cổ vũ. Lễ khai mạc Đại hội TDTT xã được tổ chức tại sân Trường Tiểu học Tân Châu, cho thấy hệ thống sân thể thao trường học đang được khai thác kết hợp phục vụ hoạt động thể thao cộng đồng.

Bên cạnh các sân thể thao tập trung, tại các Nhà văn hóa thôn đã hình thành các không gian thể thao phục vụ cộng đồng. Việc tổ chức giải bóng chuyền hơi tại sân Nhà văn hóa thôn Nội Doanh là minh chứng cho khả năng khai thác các thiết chế văn hóa thôn kết hợp hoạt động thể dục thể thao. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao được duy trì thường xuyên; riêng các hoạt động của thanh niên

trong thời gian qua có hơn 20 chương trình văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thu hút trên 3.000 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia.



Hình 13: Các công trình thể dục thể thao trên địa bàn xã Châu Ninh

Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao trên địa bàn Châu Ninh cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp và rèn luyện thể chất của nhân dân, mạng lưới phân bố tương đối rộng và được khai thác thường xuyên. Tuy nhiên, do được hình thành từ 04 xã cũ và 21 thôn trước sắp xếp nên quy mô, diện tích và chất lượng các Nhà văn hóa, sân thể thao còn chưa đồng đều; một số thiết chế chưa có quỹ đất đủ lớn, cơ sở vật chất còn hạn chế, thiếu các công trình thể thao chuyên dụng và không gian sinh hoạt cộng đồng có quy mô cấp đô thị. Sau khi sắp xếp còn cần tiếp tục rà soát các cơ sở dôi dư, đồng thời bố trí hợp lý các điểm sinh hoạt cộng đồng cho 14 thôn mới.

f) Công trình thương mại dịch vụ

Về quy mô hoạt động kinh doanh, dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cập nhật tháng 8/2026 ghi nhận 152 doanh nghiệp đăng ký địa chỉ tại xã Châu Ninh. Quy đổi theo dân số hiện trạng tương đương khoảng 4,2 doanh nghiệp/1.000 dân; đây là chỉ tiêu tham khảo phản ánh mức độ tập trung hoạt động sản xuất – kinh doanh, không phải số lượng công trình thương mại – dịch vụ. Trong số các doanh nghiệp mới đăng ký có nhiều ngành nghề liên quan trực tiếp đến khu vực dịch vụ như thương mại, vận tải, bán buôn – bán lẻ, vật liệu xây dựng, ăn uống và sửa chữa ô tô.

Cơ cấu thương mại – dịch vụ tương đối đa dạng. Một số doanh nghiệp mới hoạt động tại Châu Ninh đăng ký các ngành bán buôn vật liệu và thiết bị xây dựng, bán lẻ đồ ngũ kim – sơn – kính, nhà hàng và dịch vụ ăn uống, cho thuê phương tiện, bốc xếp hàng hóa, tổ chức xúc tiến thương mại và vui chơi giải trí. Đáng chú ý, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khoái Châu tại khu Bến Đò, thôn Phương Trù đăng ký đồng thời nhiều ngành nghề thuộc nhóm xây dựng, vật liệu xây dựng, ăn uống, cho thuê phương tiện, bốc xếp và vui chơi giải trí, cho

thấy xu hướng hình thành các cơ sở kinh doanh dịch vụ đa chức năng gắn với các đầu mối giao thông và khu dân cư.





Hình 14: Các công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã Châu Ninh

Bên cạnh khu vực doanh nghiệp, hoạt động thương mại trên địa bàn còn được duy trì chủ yếu thông qua hệ thống cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hóa, đại lý, cơ sở ăn uống, sửa chữa, dịch vụ cá nhân và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ. Mạng lưới này phân bố tương đối rộng trong các khu dân cư và dọc các tuyến giao thông chính, có vai trò cung cấp hàng hóa thiết yếu và dịch vụ hàng ngày cho người dân. Trên địa bàn cũng đã hình thành các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, trong đó có Bưu cục Tân Châu và Bưu điện xã Tân Châu được ghi nhận tại khu vực Châu Ninh. Bưu Cục Tân Châu bưu điện xã tân châu

Về dịch vụ công và dịch vụ tổng hợp, xã đã thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Châu Ninh tại thôn Tử Lý từ tháng 5/2026. Việc hình thành đơn vị này tạo cơ sở để tổ chức tập trung một số hoạt động dịch vụ công ích, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và các hoạt động phục vụ phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn.

Trong bối cảnh chung của tỉnh, hoạt động thương mại – dịch vụ đang có tốc độ tăng trưởng khá. Trong 5 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh Hưng Yên đạt 123.631 tỷ đồng, tăng 16,57% so với cùng kỳ năm 2025; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 6.236 tỷ đồng, tăng 13,97%; doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 12.067 tỷ đồng, tăng 17,50%. Đây là điều kiện thuận lợi để Châu Ninh phát triển các loại hình thương mại – dịch vụ trong quá trình chuyển sang mô hình đô thị.

Đánh giá về phân bố và quy mô công trình: hệ thống thương mại – dịch vụ hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu thiết yếu của dân cư, có tính chất phân tán theo khu dân cư và các trục giao thông, nhưng chưa hình thành rõ một hệ thống trung tâm thương mại – dịch vụ theo cấp đô thị. Các cơ sở kinh doanh phần lớn có quy mô nhỏ, nhiều trường hợp sử dụng nhà ở kết hợp kinh doanh; hệ thống chợ, cửa hàng, dịch vụ ăn uống và dịch vụ cá nhân chưa được tổ chức thành các cụm

thương mại có không gian, bãi đỗ xe, cây xanh, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Châu Ninh được hình thành trên cơ sở mạng lưới giao thông của 4 xã Đại Tập, Tứ Dân, Tân Châu và Đông Ninh trước khi sắp xếp đơn vị hành chính với mạng lưới giao thông tương đối thuận lợi, kết nối với hệ thống giao thông cấp tỉnh thông qua ĐT.378, đồng thời có các tuyến đường huyện ĐX.51, ĐX.52, ĐX.55 và ĐX.56 đi qua địa bàn.

Về giao thông đối ngoại, 4 tuyến đường huyện có vai trò quan trọng trong kết nối Châu Ninh với các khu vực lân cận. Theo hồ sơ quản lý mạng lưới đường huyện của tỉnh Hưng Yên, ĐX.51 có chiều dài toàn tuyến 15,60 km, kết nối từ ĐT.378 tại khu vực Tứ Dân đến ĐT.377 tại Đại Hưng; ĐX.52 dài 2,20 km, từ ĐX.56 tại khu vực Quán Táo đến bến đò Tân Châu; ĐX.55 dài 2,00 km, từ ĐT.378 tại Dốc Kênh, Đại Tập đến bến đò Đại Tập; và ĐX.56 dài 3,00 km, từ ĐT.378 tại Dốc Bái đến bến đò Đông Ninh. Như vậy, tổng chiều dài 4 tuyến đường huyện có liên quan trực tiếp đến mạng lưới giao thông đối ngoại của Châu Ninh khoảng 22,80 km theo chiều dài quản lý toàn tuyến.




Hình 15: Một số tuyến giao thông trên địa bàn xã Châu Ninh

Theo bảng giá đất năm 2026 của tỉnh Hưng Yên, nhiều tuyến đường chính trên địa bàn đã được phân loại theo cấp độ và bề rộng mặt đường. Đối với các tuyến đường trong khu dân cư, văn bản phân loại các tuyến có bề rộng từ 3,5 m đến dưới 7 m, từ 7 m đến dưới 15 m và từ 15 m trở lên. Điều này cho thấy mạng lưới đường trên địa bàn đã được phân cấp tương đối rõ, trong đó bên cạnh các trục chính còn có hệ thống đường khu dân cư và đường thôn phục vụ tiếp cận trực tiếp đến các khu dân cư.

ĐX.51 là một trong những trục giao thông quan trọng nhất của Châu Ninh. Tuyến được xác định thành nhiều đoạn, trong đó đoạn từ ĐT.378 đến bến đò Năm

Mẫu, đoạn từ bến đò Năm Mẫu đến bến đò Đông Ninh và đoạn từ bến đò Đông Ninh đến hết địa phận xã. ĐX.52, ĐX.55 và ĐX.56 tạo thành các nhánh kết nối, góp phần hình thành mạng lưới giao thông dạng liên kết, không phụ thuộc vào một tuyến duy nhất.

Về giao thông thủy và các điểm vượt sông, Châu Ninh có các đầu mối giao thông quan trọng như Bến đò Năm Mẫu và Bến phà Đông Ninh, đồng thời trên địa bàn còn có các bến khách ngang sông tại Phương Trù, Năm Mẫu, Tân Châu và Đông Ninh. Các điểm vượt sông này có vai trò kết nối dân cư, hỗ trợ giao thương và tạo điều kiện tiếp cận các khu vực sản xuất, dịch vụ ở hai bên sông. Tuy nhiên, đây cũng là những vị trí cần được kiểm soát chặt về an toàn giao thông, tổ chức bến bãi và điều kiện hoạt động, đặc biệt trong mùa mưa bão.

Bảng 5: Tổng hợp thống kê các tuyến đường trên địa bàn xã Châu Ninh

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)
	Tổng cộng			**29,52**	**964.860**
II	**Đường tỉnh**			**3,8**	**57.000**
	Đường tỉnh ĐT.378. xã Châu Ninh	9	15	3,8	57.000
III	**Đường đô thị (các tuyến phố, tuyến đường khu dân cư, đường khu vực...)**			**25,72**	**334.360**
1	Tuyến đường ĐX.149	7	13	1,53	19.890
2	Tuyến đường ĐX.150	7	13	10,5	136.500
3	Tuyến đường ĐX.151	7	13	2,8	36.400
4	Tuyến đường ĐX.152	7	13	1,1	14.300
5	Tuyến đường ĐX.153	7	13	1,08	14.040
6	Tuyến đường ĐX.154	7	13	1,7	22.100
7	Tuyến đường ĐX.155	7	13	2,7	35.100
8	Tuyến đường ĐX.156	7	13	2,01	26.130
9	Tuyến đường ĐX.157	7	13	0,9	11.700
10	Tuyến đường ĐX.158	7	13	1,4	18.200
IV	**Đường trục thôn xóm**	**3-5**	**3-5**	**114,7**	**573.500**

Nguồn: UBND xã Châu Ninh

Về giao thông nội bộ, mạng lưới đường xã, đường thôn và đường khu dân cư tương đối rộng khắp, bảo đảm khả năng tiếp cận tới các khu dân cư hiện hữu, trường học, trụ sở hành chính, cơ sở y tế, công trình văn hóa – thể thao và các khu vực sản xuất. Nhiều tuyến đường đã được cứng hóa, góp phần nâng cao khả năng

lưu thông quanh năm. Tuy nhiên, do mạng lưới được hình thành qua nhiều giai đoạn và kế thừa từ các đơn vị hành chính cũ nên quy mô mặt cắt, chất lượng mặt đường, hệ thống thoát nước, chiếu sáng và tổ chức giao thông chưa đồng đều giữa các khu vực.

Về hạ tầng kỹ thuật giao thông, một số tuyến đường khu dân cư còn có mặt cắt tương đối nhỏ, thiếu vỉa hè hoặc không gian dành riêng cho người đi bộ; hệ thống chiếu sáng, cây xanh, biển báo, sơn kẻ đường và điểm dừng đỗ phương tiện chưa được đầu tư đồng bộ. Tại các khu vực dân cư phát triển dọc tuyến đường chính, tình trạng nhà ở kết hợp kinh doanh và phương tiện dừng đỗ ven đường có khả năng làm giảm năng lực thông hành, ảnh hưởng đến an toàn giao thông và cảnh quan đô thị.

Một điểm đáng chú ý là Châu Ninh đang có tốc độ đô thị hóa và đầu tư phát triển khá nhanh. Các dự án đô thị, du lịch sinh thái, sân golf và khu dân cư mới sẽ làm gia tăng lưu lượng giao thông, đặc biệt là giao thông cá nhân, vận tải hàng hóa và phương tiện phục vụ du lịch – dịch vụ. Vì vậy, yêu cầu đối với hệ thống giao thông trong giai đoạn tới không chỉ là mở rộng mạng lưới mà còn phải chuyển từ giao thông nông thôn sang hệ thống giao thông đô thị đồng bộ, có phân cấp rõ ràng giữa đường đối ngoại, đường trục chính đô thị, đường khu vực và đường nội bộ.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa hiện nay được hình thành chủ yếu từ hệ thống kênh, mương tiêu thủy lợi, cống qua đường, rãnh thoát nước khu dân cư, ao hồ và các công trình tiêu động lực, có sự kết hợp giữa tiêu tự chảy và tiêu bằng trạm bơm. Đây là đặc điểm phù hợp với điều kiện địa hình tương đối thấp, bằng phẳng và còn tỷ lệ lớn đất nông nghiệp của Châu Ninh.

Về mạng lưới và công trình tiêu thoát nước, qua rà soát công tác phòng, chống mưa lớn năm 2026, xã đã xác định và trực tiếp kiểm tra 04 vị trí công trình tiêu thoát nước, gồm: cống qua đường ĐX.56 tại khu vực Nhà văn hóa thôn Đông Ninh; cống qua bối Trạm bơm Ninh Tập tại thôn Ninh Tập; cống thoát nước khu vực Trường Mầm non thôn Nội Doanh; và đầu kênh KT12 tại thôn Phương Trù. Việc xác định cụ thể các vị trí này cho thấy mạng lưới tiêu nước hiện trạng có sự liên kết giữa đường giao thông, khu dân cư và hệ thống thủy lợi.

Trong đó, Trạm bơm Ninh Tập là một trong những đầu mối tiêu nước quan trọng trên địa bàn. Công trình này được xã thường xuyên kiểm tra, vận hành và bố trí lực lượng theo dõi trong thời điểm xảy ra mưa lớn, nhằm bảo đảm tiêu nước cho khu vực sản xuất và dân cư. Trong đợt kiểm tra phòng, chống bão tháng 7/2026, lãnh đạo xã đã trực tiếp kiểm tra hệ thống cống, kênh, mương và Trạm

bơm Ninh Tập, đồng thời yêu cầu duy trì lực lượng ứng trực và phương tiện theo phương châm "4 tại chỗ".

Về khả năng tiêu thoát khi xảy ra mưa lớn, thực tế năm 2026 cho thấy hệ thống đã phát huy vai trò tương đối tốt nhưng vẫn xuất hiện các khu vực có nguy cơ úng. Trong đợt mưa lớn tháng 8/2026, xã ghi nhận một số vị trí úng cục bộ; riêng khu vực sản xuất khoảng 60 ha được xác định có nguy cơ úng, chính quyền địa phương phải tổ chức theo dõi, kiểm tra và chủ động phương án tiêu nước. Tuy nhiên, theo đánh giá của địa phương, công tác tiêu thoát được triển khai kịp thời và cơ bản bảo đảm khả năng tiêu thoát, hạn chế ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Các vị trí có nguy cơ ảnh hưởng khi mưa lớn tập trung tại khu vực cống qua ĐX.56, cống qua bối Trạm bơm Ninh Tập, khu vực Trường Mầm non Nội Doanh và đầu kênh KT12. Đây là các vị trí cần được xem xét như những điểm kiểm soát chính của mạng lưới tiêu nước, đặc biệt khi xuất hiện mưa lớn tập trung hoặc mực nước trên hệ thống thủy lợi tăng cao.

Bên cạnh đó, Châu Ninh đang có quá trình đầu tư, chỉnh trang và phát triển đô thị. Dự án cải tạo, nâng cấp ĐX.52 đoạn từ ĐX.56 đến bến đò Tân Châu được bố trí kế hoạch đầu tư giai đoạn 2025–2026 với tổng mức đầu tư khoảng 25 tỷ đồng. Đây là cơ hội để kết hợp đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước dọc tuyến, cống ngang đường và các điểm thu nước mặt.

Về mức độ đáp ứng hiện nay, hệ thống thoát nước mưa của Châu Ninh cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu nước đối với khu dân cư và sản xuất trong điều kiện mưa thông thường. Tuy nhiên, hệ thống vẫn mang tính chất tiêu thủy lợi kết hợp thoát nước khu dân cư, chưa hình thành đầy đủ mạng lưới thoát nước mưa đô thị theo từng lưu vực. Các tuyến rãnh, cống và kênh tiêu có quy mô và chất lượng không đồng đều; một số vị trí phụ thuộc vào khả năng tiêu của hệ thống thủy lợi và vận hành trạm bơm. Qua thực tế mưa lớn năm 2026, việc xuất hiện các điểm úng cục bộ và khu vực sản xuất khoảng 60 ha có nguy cơ úng cho thấy cần tiếp tục nâng cao năng lực tiêu nước.

c) Hiện trạng cấp nước

Xã Châu Ninh có quy mô dân số tương đối lớn và đang trong quá trình đô thị hóa, nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt, công cộng, thương mại – dịch vụ và các hoạt động sản xuất ngày càng tăng. Hệ thống cấp nước hiện nay được hình thành từ mạng lưới cấp nước tập trung kết hợp với các nguồn nước quy mô hộ gia đình và các công trình cấp nước hiện hữu của khu vực.

Về mức độ bao phủ cấp nước, năm 2025 xã Châu Ninh báo cáo 100% dân số được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Đây là một trong những chỉ tiêu hạ tầng

xã hội – kỹ thuật đạt mức cao, cho thấy khả năng tiếp cận nguồn nước phục vụ sinh hoạt của người dân cơ bản được bảo đảm trên toàn địa bàn. Với dân số 36.218 người, tương ứng khoảng 36.218 người được sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh theo chỉ tiêu thống kê của xã. Tuy nhiên, chỉ tiêu 100% này bao gồm cả nước sạch và nước hợp vệ sinh, do đó chưa thể khẳng định 100% dân số đã được đấu nối trực tiếp vào mạng lưới cấp nước tập trung. Đây là nội dung cần tiếp tục thống kê trong hồ sơ kỹ thuật.

Về nguồn nước và mạng lưới cấp nước, Châu Ninh có điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển cấp nước tập trung do nằm trong khu vực có hệ thống cấp nước sạch của tỉnh. Tuy nhiên, số liệu công khai hiện chưa xác định được chính xác công suất nhà máy cấp nước trực tiếp phục vụ Châu Ninh, chiều dài mạng lưới đường ống, đường kính tuyến ống, số hộ đấu nối, áp lực nước tại cuối mạng và tỷ lệ thất thoát nước. Vì vậy, trong đánh giá hiện trạng cần tránh đồng nhất chỉ tiêu "100% sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh" với "100% hộ được cấp nước máy tập trung".

Bên cạnh hệ thống cấp nước sinh hoạt, trên địa bàn Châu Ninh hiện có nhiều ao, hồ có chức năng điều hòa nguồn nước và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản, góp phần duy trì cân bằng nguồn nước và điều tiết thủy văn tại chỗ. Nghị quyết 830/NQ-HĐND năm 2026 thống kê riêng trên địa bàn Châu Ninh 10 hồ và 01 đầm thuộc danh mục được quản lý, với tổng diện tích khoảng 13,0 ha; trong đó có các hồ có diện tích tương đối lớn như Hồ Đông Ông Băng 29.526 m², Hồ Trại 27.720 m², Hồ Cửu Ông Đệ 19.619 m², Hồ Đông làng Hồng Châu 14.685 m² và Hồ Đội 1 13.921 m². Các mặt nước này có vai trò điều hòa nguồn nước, cấp nước nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Châu Ninh hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, thể hiện qua chỉ tiêu 100% dân số sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Với quy mô dân số 36.218 người, nhu cầu nước sinh hoạt hiện trạng ước khoảng 3.622 m³/ngày đêm ở mức 100 lít/người/ngày và khoảng 4.346 m³/ngày đêm ở mức 120 lít/người/ngày. Đây là quy mô nhu cầu cần được sử dụng làm cơ sở kiểm tra năng lực hệ thống cấp nước hiện hữu. Tuy nhiên, hệ thống vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của đô thị, đặc biệt về công suất nguồn, mạng lưới đường ống, áp lực cấp nước, dự phòng nguồn, cấp nước chữa cháy và khả năng phục vụ các khu dân cư, thương mại - dịch vụ và dự án đô thị mới. Việc chưa có số liệu chính thức về công suất nhà máy, chiều dài đường ống và số hộ đấu nối tập trung là một khoảng trống cần được bổ sung trong hồ sơ kỹ thuật.

d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

➢ *Thoát nước thải:*

*Thoát nước thải sinh hoạt

Trong thời gian qua, cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển dân cư, thương mại - dịch vụ và các dự án đô thị quy mô lớn, nhu cầu về hạ tầng thoát nước, thu gom xử lý chất thải rắn và quỹ đất nghĩa trang ngày càng tăng. Hiện trạng các công trình môi trường trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu dân sinh, tuy nhiên còn thiếu tính đồng bộ và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khu vực định hướng phát triển đô thị.

Về thoát nước thải, hệ thống hiện nay chủ yếu là hệ thống thoát nước chung kết hợp giữa rãnh, cống thoát nước đường giao thông, kênh mương thủy lợi, ao hồ và các tuyến tiêu tự nhiên. Nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình chủ yếu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống chung; chưa hình thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung cho toàn xã. Với dân số 36.218 người, nếu tính lượng nước thải bằng khoảng 80% lượng nước cấp sinh hoạt, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hiện nay ước khoảng 2.900–3.500 m^3/ngày đêm.

Hệ thống hiện trạng cơ bản đáp ứng tiêu thoát trong điều kiện bình thường nhưng khả năng thu gom và xử lý nước thải còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Trong quá trình đô thị hóa cần từng bước tách nước mưa và nước thải, xây dựng mạng lưới thu gom tập trung và các trạm xử lý nước thải, ưu tiên các khu dân cư tập trung và khu đô thị mới.

➢ *Chất thải rắn (CTR), nghĩa trang:*



Hình 16: Nghĩa Trang liệt sĩ trên địa bàn xã Châu Ninh

Về quản lý chất thải rắn, công tác thu gom rác sinh hoạt đã được triển khai tại các khu dân cư, kết hợp với hoạt động vệ sinh môi trường của các thôn và các đoàn thể. Năm 2026, xã đặt mục tiêu 100% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý. Với quy mô dân số 36.218 người và định mức tính toán 0,9

kg/người/ngày, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước khoảng 32,6 tấn/ngày, tương đương gần 11.900 tấn/năm. Tuy nhiên, mạng lưới điểm tập kết, trung chuyển và phân loại rác còn chưa đồng bộ; việc phân loại rác tại nguồn mới bước đầu được triển khai. Do đó, cần quy hoạch hệ thống điểm tập kết phù hợp, bảo đảm vệ sinh môi trường, tăng cường phân loại rác tại nguồn, tái chế và tái sử dụng, đồng thời bảo đảm năng lực vận chuyển và xử lý tập trung.

Về nghĩa trang, hệ thống hiện nay chủ yếu được hình thành từ các nghĩa trang nhân dân của 04 xã trước sắp xếp là Đại Tập, Đông Ninh, Tân Châu và Tứ Dân, cùng các nghĩa trang liệt sĩ tại địa phương. Tổng diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng và lưu giữ tro cốt trên địa bàn theo quy hoạch sử dụng đất có 13,91 ha hiện trạng, quy hoạch đến năm 2030 khoảng 20,06 ha, tăng 6,15 ha, tương đương khoảng 44,2%. Quỹ đất cơ bản được xác lập nhưng các khu nghĩa trang còn phân tán, một số vị trí nằm gần khu dân cư, gây khó khăn cho quản lý cảnh quan và môi trường. Quá trình triển khai các dự án đô thị lớn cũng đặt ra yêu cầu di dời, tập trung mồ mả và hình thành các khu nghĩa trang mới.

e) Hiện trạng cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn được kết nối với lưới điện quốc gia, cơ bản đáp ứng nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và các công trình công cộng. Trong quá trình đô thị hóa, nhu cầu phụ tải điện dự kiến tiếp tục tăng nhanh, đòi hỏi phải từng bước nâng cấp nguồn, trạm và lưới phân phối.

Về nguồn điện, khu vực Châu Ninh và vùng phụ cận hiện được cấp điện từ hệ thống TBA 110/35/22kV Kim Động, trong đó các máy biến áp hiện hữu có tổng công suất 40 + 63 MVA = 103 MVA, kết hợp với nguồn từ TBA 110kV Khoái Châu và các nguồn điện khác. Theo hồ sơ quy hoạch phân khu khu vực Khoái Châu, điện được truyền tải qua lưới điện cao áp và trung áp để cấp cho các khu dân cư, công trình công cộng và các phụ tải sản xuất – kinh doanh trong khu vực.

Về lưới điện truyền tải, trong khu vực có tuyến đường dây 220kV mạch kép Thường Tín – Kim Động, dây dẫn tiết diện ACSR 330, đoạn qua khu vực nghiên cứu dài khoảng 7 km. Đây là tuyến truyền tải quan trọng tạo điều kiện bảo đảm nguồn cấp và khả năng liên kết hệ thống điện khu vực.

Đối với lưới điện trung thế, hiện trạng khu vực chủ yếu sử dụng các cấp điện áp 35kV, 22kV và 10kV, đường dây đi nổi trên cột, dây dẫn chủ yếu loại AC-35 đến AC-70. Hệ thống lưới trung thế đã được hình thành tương đối rộng khắp, cấp điện tới các trạm biến áp phân phối trong khu dân cư. Các dự án đầu tư trước đây đã tập trung xây dựng đường dây và trạm biến áp chống quá tải tại Đại Tập, Tân Châu, Đông Ninh và các khu vực lân cận; đồng thời có các dự án xây dựng

đường dây và trạm biến áp huyện Khoái Châu giai đoạn 2022–2030, trong đó phạm vi dự án bao gồm cả Đại Tập, Đông Ninh, Tân Châu và Tứ Dân.

Về các trạm biến áp trung gian và phân phối, hồ sơ quy hoạch khu vực hiện trạng ghi nhận cụm trạm trung gian Khoái Châu có các máy biến áp công suất 1.800 kVA, 2.500 kVA và 3.200 kVA, tổng công suất khoảng 7.500 kVA (7,5 MVA) phục vụ khu vực. Các trạm biến áp hạ thế hiện hữu tồn tại ở các cấp điện áp 35/0,4kV, 22/0,4kV và 10/0,4kV, chủ yếu là trạm treo; một số vị trí đang từng bước cải tạo sang trạm kín kiểu xây. Lưới hạ áp sử dụng dây dẫn có tiết diện chủ yếu 35–70 mm².

Về khả năng đáp ứng phụ tải, hệ thống điện hiện tại cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của khu dân cư. Tuy nhiên, Châu Ninh đang có tốc độ đô thị hóa cao, đặc biệt với các dự án khu đô thị, du lịch sinh thái, sân golf và thương mại – dịch vụ quy mô lớn. Vì vậy, phụ tải điện trong tương lai sẽ tăng đáng kể so với hiện trạng. Hồ sơ quy hoạch khu vực đã dự báo nhu cầu phụ tải khoảng 45,79 MVA đối với phạm vi nghiên cứu của đồ án; đây là số liệu của khu vực quy hoạch, không phải nhu cầu riêng của toàn xã Châu Ninh.

Lưới chiếu sáng

Về chiếu sáng công cộng, hệ thống chiếu sáng đã được đầu tư trên các tuyến đường chính và nhiều tuyến đường khu dân cư, ngõ xóm. Tuy nhiên, chất lượng và mức độ đồng bộ còn khác nhau giữa các khu vực. Một số tuyến đường cần tiếp tục bổ sung chiếu sáng, chỉnh trang cột điện và từng bước sử dụng đèn LED tiết kiệm năng lượng. Đối với các khu vực trung tâm đô thị, tuyến phố chính và khu thương mại – dịch vụ, cần ưu tiên hạ ngầm đường dây điện và cáp viễn thông, kết hợp hệ thống chiếu sáng đô thị đồng bộ nhằm nâng cao mỹ quan và an toàn.

f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện

Về mạng lưới viễn thông, trên địa bàn xã đã hình thành hệ thống thông tin liên lạc tương đối rộng, gồm mạng điện thoại di động, mạng Internet băng rộng và các hạ tầng truyền dẫn viễn thông. Dịch vụ viễn thông được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn như VNPT, Viettel và các nhà mạng di động khác. Trên địa bàn hiện có điểm giao dịch VinaPhone Châu Ninh tại khu vực Hồng Châu, đồng thời có Trung tâm Viễn thông Khoái Châu và VNPT Khoái Châu phục vụ khu vực lân cận. Hệ thống mạng di động và Internet cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, cơ quan hành chính, trường học, cơ sở y tế và các cơ sở sản xuất – kinh doanh. VinaPhone Châu Ninh Trung Tâm Viễn Thông Khoái Châu VNPT Khoái Châu

Về bưu chính, mạng lưới được kế thừa từ các xã trước khi sáp nhập, trong đó hiện có các điểm bưu chính như Bưu Cục Tân Châu, Bưu điện xã Tân Châu và

Bưu điện xã Đại Tập, tạo điều kiện cung cấp các dịch vụ chuyển phát, bưu phẩm, bưu kiện và các dịch vụ bưu chính cơ bản cho người dân. Bưu Cục Tân Châu Bưu điện xã Tân Châu Bưu điện xã Đại Tập

Cùng với hệ thống bưu chính truyền thống, hoạt động chuyển phát hàng hóa và thương mại điện tử ngày càng phát triển, làm tăng nhu cầu về các điểm giao nhận, kho trung chuyển và dịch vụ logistics quy mô nhỏ. Tuy nhiên, mạng lưới bưu chính trên địa bàn còn mang tính phân tán, chủ yếu phục vụ nhu cầu cơ bản; chưa hình thành trung tâm bưu chính – logistics hiện đại có quy mô tương xứng với quy mô dân số và định hướng phát triển thương mại – dịch vụ của Châu Ninh.

Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, xã Châu Ninh đang tích cực triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên VNeID, đồng thời triển khai tích hợp các dịch vụ an sinh xã hội trên nền tảng số. Điều này cho thấy hạ tầng thông tin liên lạc đang ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống hạ tầng đô thị.

Hệ thống thông tin liên lạc và bưu chính trên địa bàn Châu Ninh cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân và các hoạt động kinh tế – xã hội, mạng viễn thông đã được phủ tới các khu dân cư và có nhiều điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Tuy nhiên, số liệu công khai hiện chưa xác định đầy đủ chiều dài mạng cáp quang, số trạm BTS, tỷ lệ hộ sử dụng Internet băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 4G/5G và tổng số điểm phục vụ bưu chính trên toàn xã. Đây là những chỉ tiêu cần được rà soát, cập nhật từ các doanh nghiệp viễn thông và bưu chính để hoàn thiện hồ sơ đô thị.

3. Đánh giá phân loại xã Châu Ninh so với đô thị loại III

3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Khoái Châu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Châu Ninh thuộc các Cực phát triển trung tâm, được định hướng phát triển đô thị dịch vụ, công nghiệp, các khu công nghiệp, kho tàng được bố trí theo định hướng của quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Châu Ninh còn có lợi thế như quỹ đất rộng, được quy hoạch dự án khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái sân golf Khoái Châu có quy mô gần 1.000ha, tổng mức đầu tư trên 1,5 tỷ USD; bao gồm hệ thống sân

golf VIP 54 hố, khu nghỉ dưỡng, biệt thự cao cấp, quần thể đô thị hiện đại và các tiện ích theo tiêu chuẩn quốc tế; hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Châu Ninh có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Khoái Châu cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Châu Ninh nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô; đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm du lịch, thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế dịch vụ. Ngoài ra, xã Châu Ninh còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

Như vậy xã Châu Ninh có vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông cấp tỉnh.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối

Xã Châu Ninh có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị và mạng lưới các điểm dân cư trên địa bàn, giữ vai trò là đô thị trung tâm của khu vực, là nơi tập trung các chức năng hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật có tính chất đầu mối phục vụ dân cư trong đô thị và khu vực lân cận.

Xã đã hình thành tương đối rõ khu vực trung tâm hành chính - chính trị, tập trung trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể và các đơn vị

sự nghiệp; đồng thời đã đầu tư xây dựng hệ thống các công trình công cộng, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Các công trình này tạo thành hạt nhân trung tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ và thực hiện chức năng quản lý hành chính cho phạm vi đô thị và khu vực xung quanh.

Về chức năng kinh tế - xã hội, xã là đầu mối tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, giao dịch hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa và các hoạt động phục vụ sản xuất, đời sống của người dân. Sự tập trung của các cơ quan hành chính, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng tạo điều kiện hình thành khu vực trung tâm có sức hút đối với dân cư, lao động và các hoạt động kinh tế từ các xã, khu dân cư lân cận.

Về giao thông và liên kết vùng, xã nằm trên các tuyến giao thông có vai trò kết nối với các khu vực lân cận: kết nối với hệ thống giao thông cấp tỉnh thông qua ĐT.378, đồng thời có các tuyến đường huyện ĐX.51, ĐX.52, ĐX.55 và ĐX.56 đi qua địa bàn.... tạo điều kiện thuận lợi cho luân chuyển hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận các công trình đầu mối. Hệ thống đường giao thông đối ngoại và mạng lưới giao thông đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp, tạo sự liên kết giữa khu vực trung tâm với các khu chức năng, khu dân cư và các xã địa bàn xung quanh.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống công trình hành chính và hạ tầng đô thị đã được đầu tư, cùng với chức năng tập trung các hoạt động kinh tế - xã hội và khả năng kết nối với các khu vực lân cận, đô thị có đủ cơ sở để xác định là một trong những trung tâm và đầu mối kết nối quan trọng của khu vực, đóng vai trò hạt nhân trong tổ chức không gian phát triển đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp xã đạt 6,0/8,0 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,0/15,0 điểm.

3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá

1. Quy mô dân số đô thị

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Châu Ninh là 36.179 người và dân số tạm trú quy đổi là 263 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Châu Ninh là 36.442 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,64/7,00 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Châu Ninh đã bao gồm quy đổi là 36.442 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 22,26 km^2. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 36.442 người/22,26 km^2 đạt 1.637 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/km^2, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại) là: 21.116 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ - thương mại là 16.491 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 16.491/21.116 người, đạt 78,1%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,64/15,0 điểm

3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Đầu mối giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Châu Ninh chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: Đường tỉnh ĐT.378; Tuyến đường ĐX.149; Tuyến đường ĐX.150; Tuyến đường ĐX.151; Tuyến đường ĐX.152; Tuyến đường ĐX.153; Tuyến đường ĐX.154; Tuyến đường ĐX.155; Tuyến đường ĐX.156; Tuyến đường ĐX.157; Tuyến đường ĐX.158 chạy qua; Đánh giá đầu mối giao thông xã Châu Ninh cấp tỉnh, đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

b) Mật độ đường giao thông đô thị

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Châu Ninh là 29,52 km . Diện tích đất xây dựng đô thị là 5,52 km^2. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 29,52 km/5,52 km^2 đạt 5,34 km/km^2 (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 3 - 3,5km/km^2). Đánh giá đạt 4,67/5,00 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 8,67/9,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Châu Ninh đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nước sạch tập trung được cấp từ Nhà máy nước sạch Dạ

Trạch và nhà máy nước Khoái Châu. Tổng dân số toàn xã là 36.442 người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 31.455 người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 31.455/36.442 đạt 86,32% (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%) Đánh giá đạt 2,13/3,00 điểm

b) Mật độ đường cống thoát nước chính

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Châu Ninh là 25,72 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 25,72 km/5,52 km^2; đạt 4,66 km/km^2 (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/km^2); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch

Trên địa bàn xã Châu Ninh hiện nay đã quy hoạch 6 trạm xử lý nước thải cho các thôn tuy nhiên chưa có trạm nào được đưa vào vận hành. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 0%. Đánh chưa đạt điểm 0/0 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,13/7,0 điểm.

3. Xử lý chất thải rắn

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 6.576,34 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 5.683,75 (Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 5683,75/6.576,34 đạt 86,34% (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

4. Nghĩa trang đô thị

- Hiện nay trên địa bàn xã Châu Ninh có 4 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 6,35 ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 9,81 ha. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là 6,35 /9,81 đạt 64,73% (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá đạt 2,74/3,00 điểm.

- Bên cạnh đó, trên địa bàn xã đã có dự án nhà tang lễ trên, từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. (tiêu chuẩn quy định từ có dự án -1 nhà tang lễ); đánh giá đạt 2,50/3,00 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Số Giường bệnh

- Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế phục vụ tính xã Châu Ninh là 116 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 31,83 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 4,15/5,00 điểm.

2. Cơ sở giáo dục đào tạo

Trên địa bàn xã Châu Ninh hiện chưa có cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 0,00/5,00 điểm.

3.Công trình văn hoá

- Trên địa bàn đô thị xã Châu Ninh có 11 công trình văn hóa cấp đô thị: Đình Phương Trù; Đền Ngự Dội; Đình Mạn Trù Châu; Đình Tử Lý; Đình Nội Doanh; Đền Quan trấn Bắc; Đình Phù Sa Thượng; Chùa Phù Sa Vân Quang Tự (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 4,69/5,00 điểm.

4. Công trình thể dục thể thao

- Trên địa bàn xã Châu Ninh có 3 công trình thể dục thể thao cấp đô thị là Sân vận động đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-5 công trình); đánh giá đạt điểm 3,33/4,00 điểm.

5. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn có 03 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ Đại Tập (thôn Chi Lăng); Chợ Mãn Hòa; Chợ Cầu Đá (thôn Mạn Xuyên). (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,33/3,00 điểm

6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 63773,5 m^2, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 63773,5 m^2/36.442 người, đạt 1,75 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 m^2/người); đánh giá đạt 2,50/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 17,06/25,0 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Trên địa bàn xã có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >02ha (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 khu). Đánh giá đạt 3,00/4,00 điểm

2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Châu Ninh là 2.226,23 ha. Tổng diện tích không gian xanh của xã Châu Ninh là 304.914 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là

304.914 / 2.226,23 đạt 63,30% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35 %). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

- Hiện nay trên địa bàn xã đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 6,15 m^2/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 m^2/người). Đánh giá đạt 2,58/3,00 điểm

4. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị

- Hiện nay xã đang chuẩn bị triển khai lập quy hoạch đô thị, kế hoạch phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh và chương trình phát triển đô thị tỉnh được duyệt. Do đó chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá chưa đạt điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 9,58/15,0 điểm.

3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Châu Ninh

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Qua đánh giá hiện trạng phát triểnxã Châu Ninh năm 2025 so với tiêu chí đô thị loại III đạt **80,32/75/100 điểm**. Cụ thể như sau:

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,00**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**18,64**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**48,68**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18,25	25	22,04
III.2	Về hạ tầng xã hội	18,25	25	17,06
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11,5	15	9,58
	Tổng cộng	**75**	**100**	**80,32**

(Chi tiết xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111

4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Châu Ninh là 1,16%; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 4,10/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Châu Ninh đạt 79,6 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,02 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 4,65/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã Châu Ninh năm 2025 là 0,30%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có công trình Có sân golf xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, được cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,25/15,0 điểm

4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Dân số toàn xã năm 2025 là 36.442 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Châu Ninh là 5,6236 km^2. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 36.442/5,6236 đạt 6.480 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km^2. Đánh giá đạt 6,00/6,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Châu Ninh năm 2025 là 5,6236 so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 62,00% (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 5,22/6,00 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra năm 2025 tăng 5,5%. Kết quả thực hiện năm 2025 tăng theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 18,22/20,00 điểm

4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô là 96,486 ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 562,36 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (96,486/562,36) *100%, đạt 17,16% (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 3,0/3,0 điểm.

b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Châu Ninh là 96,486 ha; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 96,486*10.000/36.442 người, đạt 26,48 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2025 đạt 94,5 lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 1,86/2,00 điểm.

b) Thoát nước chống ngập úng đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã Châu Ninh có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

3. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025 là 6.576,34 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 5683,75 tấn /năm. Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu

bảo vệ môi trường đạt 86,43% *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 1,82/2,00 điểm.*

b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trên địa bàn xã hiện nay các hộ gia đình đang triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đang triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn đat 56,65%. Đánh giá chưua đạt điểm 0,81/0 điểm.

c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 203 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 199 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 98,03% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng

a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1092,20 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,0/2,00 điểm.

b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Hiện nay trên địa bàn xã có 10/10 Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh đạt 100% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

5. Hạ tầng viễn thông

Toàn xã có 11.086 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 9.818 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 88,86 % (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,71/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay đag triển khai truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn đánh giá đạt 0,5 điểm.

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên đánh giá có, đạt 0,5 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Nhà ở

a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

- Toàn xã có 11.086 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 1.069.208 m^2. Diện tích sàn bình quân đầu người trên đia 1.069.208 m^2 sàn/36.442 người, đạt 29,34 m^2 sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 m^2 sàn/người); đánh giá đạt 3,06/4,00 điểm.

b) Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

2. Công trình công cộng

a) Đất dân dụng bình quân đầu người

Diện tích đất dân dụng xã Châu Ninh là 677,87ha, bình quân đất dân dụng là 481,59*10.000 m^2/36.442 người, đạt 132,15 m^2/người (tiêu chuẩn 50-110 m^2/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/3,00 điểm.

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã... có tổng diện tích 120.588 m^2, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 120.588 m^2/36.442 người, đạt 3,3 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 m^2/người); đánh giá đạt 3,27/4,00 điểm.

c) Số trường công lập đạt chuẩn

Trên địa bàn xã có 100% số trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Trên địa bàn xã có 10 điểm trường tiểu học. Đáp ứng 01 trường/8.000 người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 78.179 m^2. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là 78.179/36.442 đạt 2,15 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 47.010,18m^2. Bình quân Đất công trình văn

hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 47010,18/36.442 đạt 1,29 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 m^2/người); đánh giá đạt 2,59/3,00 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Không gian đô thị

a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 80.766 m^2. *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt* 80.766 m^2/36.442 người đạt 2,22 m²/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 m^2/người); đánh giá đạt 1,60/2,00 điểm.

b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên

Trên địa bàn xã có 05 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 m^2 là không gian xanh công cộng trong các khu dân cư trung tâm xã. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

2. Kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm

b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Trên địa bàn xã có 8 công trình di tích lịch sử được xếp hạng. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,0/1,00 điểm.

c) Công trình xanh

Trên địa bàn xã chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm

3. Quản trị đô thị

a) Kế hoạch phát triển đô thị

- Xã Châu Ninh hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 7.772 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 5.482 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 70,54 (%) (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Trong năm 2025 xã đã cải tạo chính trang 3 tuyến trên địa bàn: Dự án nâng cấp cải tao chỉnh trang Đường ĐX.150 (ĐH.51 cũ); Dự án nâng cấp cải tao chỉnh trang Đường ĐX.151 (ĐH.52 cũ); Dự án cải tạo các tuyến đường trục giao thông liên thôn, đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

d) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm

e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 100%. (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm,

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 49,06/60,00 điểm

4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Châu Ninh so với trình độ phát triển độ thị loại III

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Châu Ninh so với trình độ phát triển độ thị loại III đạt **80,53/75,00/100 điểm**. Cụ thể

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,25**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**18,22**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**49,06**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18.25	25	19,49
III.2	Về hạ tầng xã hội	18.25	25	18,22
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11.5	15	11,35
	Tổng cộng	**75**	**100**	**80,53**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục II)

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Châu Ninh so với tiêu chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Châu Ninh đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

a) Đối với Đánh giá phân loại xã Châu Ninh so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch:

Để khắc phục tiêu chuẩn "Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch", xã Châu Ninh cần tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, dẫn truyền và xử lý nước thải, bảo đảm công suất thiết kế của các công trình xử lý được khai thác hiệu quả, phù hợp với quá trình đô thị hóa và quy mô dân số theo quy hoạch.

- Ưu tiên, trong giai đoạn 2026–2027, tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống thoát nước, lưu vực thu gom, công suất thiết kế và công suất vận hành thực tế của các trạm xử lý; xác định các khu vực chưa được thu gom, các điểm đấu nối chưa phù hợp và nguyên nhân làm cho công suất vận hành thấp. Tập trung hoàn thiện các tuyến cống thu gom chính tại khu vực trung tâm xã và các khu dân cư tập trung; phấn đấu đưa tỷ lệ công suất vận hành đạt tối thiểu 60% công suất thiết kế.

+ Triển khai xây dựng Trạm bơm và trạm xử lý nước thải lựa chọn vị trí phù hợp với từng khu vực theo quy hoạch chung, phân khu đô thị, đảm bảo thu gom nước thải thuận lợi về bể xử lý và hạn chế ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh.

+ Đối với xử lý nước thải từ các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung cần xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

+ Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo yêu cầu thoát nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Giai đoạn 2028–2030, tiếp tục mở rộng mạng lưới thu gom, tăng tỷ lệ đấu nối của các hộ dân, công trình công cộng, thương mại – dịch vụ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào hệ thống xử lý tập trung. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ công suất vận hành đạt từ 80% trở lên so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch, đồng

thời có tối thiểu 80% số hộ dân trong phạm vi phục vụ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải. Đối với các khu dân cư phân tán, xa trạm xử lý tập trung, nghiên cứu bố trí các công trình xử lý nước thải theo cụm với quy mô phù hợp.

Bên cạnh đó, từng bước tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, hạn chế nước mưa xâm nhập gây quá tải trạm xử lý; kiểm soát chặt chẽ nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trước khi đấu nối vào hệ thống chung. Thường xuyên bảo trì, nâng cấp thiết bị, tăng hiệu quả vận hành trạm; lắp đặt thiết bị đo lưu lượng để theo dõi chính xác công suất xử lý thực tế và chất lượng nước sau xử lý.

- Giai đoạn 2031–2045, tiếp tục mở rộng mạng lưới thu gom theo các khu vực đô thị hóa mới, nâng tỷ lệ đấu nối lên ≥90%, phấn đấu duy trì ≥90% công suất vận hành so với công suất thiết kế. Khi lưu lượng nước thải thực tế đạt khoảng 80–85% công suất thiết kế, chủ động đầu tư nâng cấp, mở rộng trạm để tránh quá tải trong tương lai.

***- Đối với tiêu chuẩn: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị**:* Sau khi Sở Xây dựng tiến hành triển khai lập quy hoạch chung đô thị Khoái Châu, UBND xã triển khai đồng thời triển khai lập quy hoạch phân khu đô thị, kết hoạch phát triển đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ thống nhất trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch đã được duyệt.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị:

Để khắc phục tiêu chuẩn về đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị, xã Châu Ninh cần rà soát toàn bộ quỹ đất cây xanh hiện có, xác định diện tích còn thiếu so với quy mô dân số và chỉ tiêu quy hoạch; đồng thời ưu tiên dành quỹ đất cho công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường và các không gian xanh công cộng tại khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các khu vực phát triển đô thị mới. Đối với các khu vực có ao, hồ, mặt nước, đất xen kẹt và hành lang cảnh quan có điều kiện phù hợp, nghiên cứu cải tạo, kết hợp cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Trong giai đoạn 2026–2027, tập trung rà soát 100% quỹ đất cây xanh và hoàn thiện các khu cây xanh, sân chơi, vườn hoa quy mô nhỏ, phấn đấu đạt tối thiểu 3,5 m²/người. Giai đoạn 2028–2030, ưu tiên đầu tư các công viên, vườn hoa và tuyến cây xanh tại khu vực dân cư tập trung, nâng chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng lên ≥5,0 m²/người, đáp ứng mức tối thiểu theo QCVN 01:2026/BXD. Giai đoạn 2031–2035, tiếp tục mở rộng và liên kết các không gian xanh, khai thác hợp lý cảnh quan mặt nước, phấn đấu đạt ≥6,0 m²/người. Đến

năm 2045, hình thành hệ thống cây xanh công cộng tương đối hoàn chỉnh, phân bố hợp lý và thuận tiện tiếp cận, phấn đấu đạt ≥7,0 m²/người.

- Triển khai lập quy hoạch bổ sung khoảng 8–10 ha đất công viên, vườn hoa và không gian xanh công cộng, ưu tiên khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và các khu vực phát triển đô thị mới. Trong đó, dự kiến hình thành 01 công viên trung tâm quy mô khoảng 3–5 ha, kết hợp quảng trường và không gian sinh hoạt cộng đồng; 3–5 công viên, vườn hoa khu vực với quy mô khoảng 0,5–1,0 ha/khu; đồng thời cải tạo các ao, hồ, khu đất công và đất xen kẹt để bổ sung khoảng 2–3 ha không gian xanh.

- Các dự án khu dân cư, khu đô thị mới phải bố trí quỹ đất cây xanh theo quy hoạch được duyệt. Với việc bổ sung khoảng 8–10 ha, kết hợp cải tạo hệ thống cây xanh hiện hữu, xã từng bước nâng chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng lên khoảng 6–8 m²/người, góp phần cải thiện cảnh quan, môi trường và chất lượng sống của người dân.

- Đồng thời, đối với các khu vực phát triển mới, quỹ đất cây xanh phải được xác định ngay từ bước lập và triển khai quy hoạch, không để phát sinh tình trạng thiếu cây xanh sau khi hình thành khu dân cư.

- Tăng cường trồng cây xanh đường phố, cây bóng mát, thảm cỏ và cây bản địa; kết hợp cây xanh với mặt nước, không gian công cộng và hạ tầng thoát nước sinh thái. Huy động nguồn vốn ngân sách, nguồn lực xã hội hóa và sự tham gia của cộng đồng để đầu tư, chăm sóc, quản lý và bảo vệ cây xanh.

b) Đối với Đánh giá phân loại xã Châu Ninh so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Để nâng cao mức độ thực hiện quy hoạch, trong giai đoạn 2026–2030 cần tập trung đầu tư, hoàn thiện khoảng 70–80% hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên các khu vực đã được xác định là đất xây dựng đô thị; đồng thời đưa vào khai thác khoảng 60–80 ha đất xây dựng đô thị theo quy hoạch, ưu tiên các khu vực trung tâm xã và dọc các tuyến giao thông chính.

Trong đó, dự kiến phát triển khoảng 40–50 ha đất ở đô thị, 10–15 ha đất thương mại – dịch vụ, 5–10 ha đất công trình công cộng, cây xanh và thể dục thể thao, đồng thời hoàn thiện khoảng 15–20 km đường giao thông đô thị đang triển khai và hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng tại các khu vực phát triển mới. Giai đoạn 2031–2035 tiếp tục triển khai các khu vực còn lại, phấn đấu nâng tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng

đô thị theo quy hoạch đạt từ 70% trở lên, từng bước tiến tới 80–85% khi hoàn thiện các khu vực phát triển đô thị.

Bên cạnh đó với đầu tư xây dựng, cần rà soát toàn bộ quỹ đất quy hoạch chưa thực hiện; đối với các khu vực không còn phù hợp về nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng hoặc khả năng đầu tư thì nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, giảm quy mô hoặc chuyển chức năng sử dụng đất nhằm bảo đảm tính khả thi. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hạn chế quy hoạch treo và bảo đảm tỷ lệ thực hiện quy hoạch phù hợp với quy định.

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Trong giai đoạn 2026–2030, UBND xã Châu Ninh sẽ tập trung nguồn lực ưu tiên cải tạo, thay thế hệ thống chiếu sáng hiện có bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và đèn sử dụng năng lượng mặt trời, tập trung trên khoảng 15–20 km đường đô thị, với khoảng 500–700 bộ đèn, trong đó 150–200 bộ đèn năng lượng mặt trời. Đồng thời, lắp đặt hệ thống điều khiển tự động, điều chỉnh công suất và đóng/cắt theo thời gian hoặc lưu lượng giao thông trên các tuyến chính. Giai đoạn 2031–2035 tiếp tục mở rộng, phấn đấu tối thiểu 60% số tuyến đường đô thị được ứng dụng chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo hoặc chiếu sáng thông minh, góp phần giảm chi phí vận hành, tiết kiệm điện năng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người *(tập trung hoàn thiện theo các giải pháp đất cây xanh sử dụng công cộng theo mục a)*.

5.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

Trong giai đoạn 2026–2030, xã Châu Ninh định hướng phát triển kinh tế theo hướng đô thị – thương mại dịch vụ – công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, khai thác lợi thế về vị trí, hệ thống giao thông, quỹ đất, nguồn lao động và các dự án đô thị, du lịch quy mô lớn. Mục tiêu là tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống nhân dân, đồng thời tạo nền tảng để hình thành phường Châu Ninh theo hướng đô thị hiện đại, xanh và phát triển bền vững.

Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu: Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản phẩm bình quân 8–10%/năm, trong đó giá trị sản xuất tăng khoảng 10–10,5%/năm; thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 100–110 triệu đồng/người/năm vào năm 2030; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 8–10%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh thương mại – dịch vụ và

công nghiệp – xây dựng; phấn đấu đến năm 2030 khu vực thương mại – dịch vụ và công nghiệp – xây dựng chiếm trên 80% giá trị sản phẩm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,5%; duy trì tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 97%.

Về nông nghiệp: Tổ chức lại sản xuất theo hướng hàng hóa, tập trung và sinh thái; phấn đấu hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP và chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Tăng cường cơ giới hóa, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu nông sản Châu Ninh. Phấn đấu đến năm 2030 có trên 90% diện tích sản xuất hàng hóa chủ lực được liên kết tiêu thụ, đồng thời kết hợp nông nghiệp với du lịch trải nghiệm, sinh thái và giáo dục cộng đồng.

Về công nghiệp – xây dựng: Ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản – thực phẩm, cơ khí, vật liệu xây dựng và các ngành nghề có giá trị gia tăng cao, không gây ô nhiễm môi trường. Từng bước sắp xếp, di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp ra khỏi khu dân cư; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực đã được quy hoạch, tạo thêm việc làm và chuyển dịch lao động nông nghiệp.

Về thương mại - dịch vụ và du lịch: Xác định đây là động lực tăng trưởng chủ yếu trong quá trình đô thị hóa. Tập trung hình thành trung tâm thương mại – dịch vụ tại khu vực trung tâm xã, các tuyến phố thương mại, chợ, siêu thị, cửa hàng tiện ích, dịch vụ logistics, ăn uống, lưu trú và dịch vụ phục vụ dân cư. Khai thác hiệu quả các giá trị cảnh quan, văn hóa, làng quê và lợi thế sông Hồng; gắn phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp với các dự án đô thị, du lịch và sân golf Khoái Châu. Phấn đấu số cơ sở kinh doanh thương mại – dịch vụ tăng bình quân 8–10%/năm, tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp cho người dân.

Về huy động nguồn lực: Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông, điện, nước sạch, viễn thông, thoát nước, xử lý chất thải và hạ tầng thương mại – dịch vụ; ưu tiên nguồn lực cho các công trình có tính lan tỏa cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã; huy động đa dạng nguồn vốn từ ngân sách, doanh nghiệp và xã hội hóa. Đồng thời, thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm cho người dân trong các khu vực thực hiện dự án.

Tổ chức thực hiện: Tập trung phát triển theo mô hình "Đô thị – dịch vụ làm động lực; công nghiệp sạch làm nền tảng; nông nghiệp sinh thái làm giá trị bổ trợ; du lịch và các dự án động lực tạo đột phá". Gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển hạ tầng và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; phấn

đấu đến năm 2030 Châu Ninh trở thành khu vực có cơ cấu kinh tế hiện đại, năng động, có sức hút đầu tư và đủ điều kiện phát triển theo định hướng đô thị.

5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

Năm 2025, các lĩnh vực văn hóa – xã hội đạt nhiều kết quả tích cực: 90% trường đạt chuẩn quốc gia; 90,7% hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa; 85,7% thôn đạt danh hiệu Thôn văn hóa; 96,7% dân số tham gia bảo hiểm y tế; 100% dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 0,78%. Mục tiêu đến năm 2030: xây dựng hệ thống văn hóa – xã hội đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị; duy trì 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, giữ vững phổ cập giáo dục; phấn đấu 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, trên 95% hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa, trên 90% thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn dưới 0,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%; 100% người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, nước sạch và các dịch vụ xã hội thiết yếu.

- Về giáo dục – đào tạo, tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường lớp phù hợp với quy mô dân số và định hướng đô thị hóa. Năm học 2025–2026, Châu Ninh có 10 trường công lập, gồm 4 trường mầm non, 2 trường tiểu học, 2 trường THCS và 2 trường TH&THCS, với 61 nhóm/lớp mầm non – 1.267 trẻ; 74 lớp tiểu học – 2.421 học sinh; 56 lớp THCS – 2.193 học sinh, tổng cộng 5.881 trẻ, học sinh. Từ năm học 2026–2027, xã thực hiện sắp xếp còn 3 trường công lập theo cấp học. Cần ưu tiên đầu tư trường học đạt chuẩn, phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi – bãi tập, thiết bị số; duy trì 100% trường sử dụng chữ ký số, đẩy mạnh STEM, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng số và ứng dụng AI trong giáo dục.

- Về y tế và chăm sóc sức khỏe, củng cố Trạm Y tế Châu Ninh sau hợp nhất, nâng cao năng lực khám chữa bệnh ban đầu, y tế dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc bà mẹ và trẻ em. Duy trì tỷ lệ bảo hiểm y tế trên 97–98%, từng bước hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý sức khỏe người dân theo hộ gia đình và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị, nhân lực và cơ sở vật chất y tế phù hợp với quy mô dân số trên 36 nghìn người.

- Về văn hóa, thể thao và xây dựng đời sống cộng đồng, bảo tồn các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, lễ hội và truyền thống của 4 khu vực hợp nhất; đồng thời xây dựng môi trường văn hóa phù hợp với đô thị mới. Sau sắp xếp, Châu Ninh còn 14 thôn, cần tiếp tục rà soát, nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao, khu vui chơi và không gian sinh hoạt cộng đồng. Phấn đấu trên 95% hộ đạt Gia đình văn hóa, trên 90% thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% thôn có địa điểm sinh hoạt cộng đồng phù hợp; phát triển các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao, vui chơi cho trẻ em và

người cao tuổi. Đẩy mạnh xã hội hóa để hình thành các không gian thể thao, công viên và điểm sinh hoạt cộng đồng quy mô đô thị.

- Về an sinh xã hội, việc làm và giảm nghèo, thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, hộ nghèo và các nhóm yếu thế; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 0,5% vào năm 2030. Gắn đào tạo nghề với nhu cầu lao động của thương mại – dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, du lịch và các dự án đô thị trên địa bàn. Đặc biệt, ưu tiên đào tạo, chuyển đổi nghề cho các hộ bị thu hồi đất thực hiện các dự án; phấn đấu trên 80% lao động qua đào tạo và tăng tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi nông nghiệp.

- Về xây dựng xã hội học tập và phát triển con người, phát huy vai trò của Hội Khuyến học, các tổ chức chính trị – xã hội và cộng đồng dân cư; phấn đấu 88–90% hộ đạt danh hiệu "Gia đình học tập", 100% dòng họ và cộng đồng đạt danh hiệu học tập, đồng thời phổ cập kỹ năng số cho người dân. Phát huy vai trò thanh niên trong chuyển đổi số, khởi nghiệp và phát triển kinh tế; hiện toàn xã có 659 hội viên, thanh niên, với 21 chi hội và 4 câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm.

Giải pháp trọng tâm là ưu tiên nguồn lực cho giáo dục, y tế, văn hóa – thể thao và an sinh; kết hợp ngân sách nhà nước với xã hội hóa, huy động doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư các công trình xã hội. Đồng thời, gắn phát triển văn hóa – xã hội với quy hoạch đô thị, bảo đảm quỹ đất cho trường học, y tế, văn hóa, thể thao, cây xanh và không gian công cộng. Qua đó xây dựng Châu Ninh trở thành khu vực đô thị có hệ thống dịch vụ xã hội đồng bộ, môi trường văn hóa lành mạnh, chất lượng sống cao và phát triển bền vững.

5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đối với công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn xã Châu Ninh cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, gắn chặt với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và mục tiêu xây dựng Châu Ninh trở thành khu vực đô thị phát triển hiện đại. Trong nhiệm kỳ 2025–2030, xã xác định đột phá về công tác quy hoạch và đầu tư hạ tầng xã hội theo hướng đô thị hóa, gắn với phát triển Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái và sân golf Khoái Châu. Xã cũng đặt mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 8–10%/năm, thu nhập bình quân đạt 115 triệu đồng/người/năm và thu ngân sách tăng trên 10%/năm.

Về quy hoạch và tổ chức không gian: Rà soát, cập nhật đồng bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành; trên cơ sở diện tích 22,2 km², tổ chức không gian theo các khu vực: trung tâm hành chính – dịch vụ; khu dân cư hiện hữu; các khu đô thị mới; khu thương mại – dịch vụ; vùng sản

xuất nông nghiệp hàng hóa, sinh thái; không gian cây xanh, mặt nước và hành lang sông. Kiểm soát chặt việc chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình và bảo vệ hành lang giao thông, thủy lợi, đê điều, thoát nước; không để phát triển đô thị tự phát, manh mún.

Về phát triển hạ tầng giao thông: Tập trung nâng cấp mạng lưới ĐT.378, ĐX.51, ĐX.52, ĐX.55 và ĐX.56, đồng thời hoàn thiện đường khu vực, đường nội bộ và các tuyến kết nối với khu đô thị mới. Ưu tiên đầu tư đồng bộ mặt đường – vỉa hè – cây xanh – chiếu sáng – thoát nước – hạ tầng viễn thông. Theo định hướng đầu tư, cần từng bước nâng cấp các tuyến ĐX.51, ĐX.55; hoàn thiện ĐX.52, ĐX.56 và tổ chức các điểm kết nối giao thông với khu vực phát triển mới. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành mạng lưới giao thông đô thị liên hoàn, đáp ứng dân số hiện tại trên 36 nghìn người và nhu cầu tăng trưởng trong tương lai.

Về phát triển các dự án động lực: Tập trung phối hợp triển khai Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu có tổng quy mô trên 888,5 ha, trong đó riêng địa bàn Châu Ninh trên 673 ha, chiếm khoảng 76% diện tích dự án; tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD. Dự án gồm các khu dân cư sinh thái gắn với sân golf, khu đô thị thương mại – dịch vụ và khu cây xanh, công viên chuyên đề, có khả năng tạo động lực trực tiếp cho quá trình đô thị hóa Châu Ninh.

Về chỉnh trang khu dân cư hiện hữu: Tập trung cải tạo đường giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh, cảnh quan và các công trình công cộng; từng bước chuẩn hóa mặt cắt đường, vỉa hè và không gian công cộng. Ưu tiên chỉnh trang các khu dân cư dọc ĐT.378 và các tuyến ĐX, khu vực trung tâm xã và các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao. Đồng thời bảo tồn các công trình di tích, nhà ở truyền thống, không gian làng và cảnh quan đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng.

Về hạ tầng xã hội và không gian công cộng: Với quy mô dân số trên 36.200 người, cần rà soát quỹ đất và năng lực phục vụ của hệ thống trường học, y tế, văn hóa – thể thao, thương mại, chợ, cây xanh và bãi đỗ xe; bảo đảm các công trình được bố trí bán kính phục vụ hợp lý và có khả năng đáp ứng dân số tăng thêm. Ưu tiên hình thành các công viên, sân thể thao, quảng trường và không gian sinh hoạt cộng đồng gắn với trung tâm đô thị và các khu đô thị mới.

Về quản lý xây dựng và đất đai: Tăng cường quản lý theo quy hoạch được duyệt, kiểm soát chặt cấp phép và trật tự xây dựng, đặc biệt tại các khu vực có dự án lớn. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ quy hoạch, đất đai và xây dựng, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý đô thị. Đối với công tác GPMB, phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định và gắn với tái định cư, đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người dân bị thu hồi đất. Đến tháng 3/2026, diện tích đã

chi trả bồi thường, hỗ trợ của dự án sân golf đạt 176,36 ha, tương đương 30,99% diện tích thuộc phạm vi GPMB được báo cáo.

Mục tiêu đến năm 2030 là từng bước hình thành Châu Ninh theo mô hình "đô thị sinh thái – thương mại dịch vụ – du lịch gắn với nông nghiệp và cảnh quan sông nước"; hoàn thiện cơ bản hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu, kiểm soát phát triển theo quy hoạch, nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường. Phấn đấu đồng bộ hóa hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, viễn thông, thoát nước và xử lý chất thải; tạo nền tảng để Châu Ninh phát triển thành khu vực đô thị hiện đại, xanh, có sức hút đầu tư và chất lượng sống cao.

5.4. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong giai đoạn 2026–2030, xã Châu Ninh xác định huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai là giải pháp đột phá để phát triển đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 2025 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 277,3 tỷ đồng, năm 2026 phấn đấu đạt khoảng 306 tỷ đồng, tăng khoảng 10,2%. Đây là nguồn lực quan trọng để đối ứng và đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu.

- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Huy động đồng thời ngân sách nhà nước, nguồn thu từ đất, vốn doanh nghiệp, tín dụng, xã hội hóa, hợp tác công – tư (PPP) và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ưu tiên ngân sách cho các công trình có tính dẫn dắt như giao thông, cấp nước, thoát nước, điện, trường học, y tế, văn hóa – thể thao và môi trường; phấn đấu tăng chi đầu tư phát triển và huy động tối đa nguồn vốn ngoài ngân sách cho các công trình có khả năng khai thác dịch vụ.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai. Rà soát toàn bộ quỹ đất công, đất xen kẹt, đất sau sắp xếp trụ sở, đất có khả năng đấu giá và các khu vực phát triển đô thị để tạo nguồn lực đầu tư. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch, bảo đảm công khai, minh bạch; nguồn thu từ đất ưu tiên đầu tư trở lại cho hạ tầng. Mục tiêu hình thành cơ chế "khai thác quỹ đất – đầu tư hạ tầng – gia tăng giá trị đất – tái đầu tư", tạo nguồn vốn phát triển ổn định, giảm phụ thuộc vào ngân sách thường xuyên.

- Tập trung thu hút dự án động lực. Ưu tiên triển khai Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu có quy mô toàn dự án khoảng 888,5 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 1,5 tỷ USD, trong đó phần diện tích thuộc Châu Ninh khoảng 673 ha. Dự án có vai trò tạo động lực phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ, du lịch, nhà ở và việc làm. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc về quy hoạch, đất đai, GPMB và hạ tầng để bảo đảm tiến độ; đồng thời thu hút các dự án vệ tinh về thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch, nhà ở và công nghiệp sạch.

- Đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch. Xác định GPMB là khâu then chốt để thu hút và triển khai đầu tư. Đối với dự án đô thị – sân golf, tiếp tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định; đồng thời gắn GPMB với đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm. Đến tháng 3/2026, diện tích đã chi trả bồi thường, hỗ trợ đạt khoảng 176,36 ha, tương đương 30,99% diện tích thuộc phạm vi GPMB được báo cáo. Cần nâng cao tiến độ, bảo đảm công khai và tạo sự đồng thuận của người dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và PPP. Ưu tiên huy động doanh nghiệp đầu tư các công trình có khả năng khai thác như thương mại – dịch vụ, chợ, bãi đỗ xe, thể thao, công viên, du lịch, giáo dục, y tế và xử lý môi trường. Thực hiện nguyên tắc Nhà nước đầu tư hạ tầng khung, doanh nghiệp đầu tư công trình khai thác; giảm áp lực vốn ngân sách và nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị.

- Cải thiện môi trường đầu tư. Công khai quy hoạch, danh mục dự án và quỹ đất kêu gọi đầu tư; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, hỗ trợ nhà đầu tư theo cơ chế "một đầu mối – rõ quy trình – rõ thời hạn". Tăng cường số hóa dữ liệu quy hoạch, đất đai và đầu tư; thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng thu ngân sách trên 10%/năm và tăng nhanh tỷ trọng nguồn thu bền vững từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mục tiêu đến năm 2030: phấn đấu huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển; hoàn thành cơ bản các dự án hạ tầng trọng điểm, tạo quỹ đất sạch cho các dự án lớn; thu hút các dự án thương mại – dịch vụ, đô thị, du lịch và công nghiệp sạch có tổng vốn đầu tư lớn; gắn thu hút đầu tư với mục tiêu thu nhập bình quân khoảng 115 triệu đồng/người/năm, tăng trưởng kinh tế 8–10%/năm và xây dựng Châu Ninh trở thành khu vực đô thị có hạ tầng đồng bộ, môi trường đầu tư hấp dẫn và khả năng tự tạo nguồn lực phát triển. Định hướng này cũng phù hợp với chủ trương của tỉnh Hưng Yên về tăng cường huy động tổng vốn đầu tư xã hội, phát triển hạ tầng và thu hút các dự án có quy mô lớn trong giai đoạn 2026–2030.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện về vị trí, vai trò, hiện trạng phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn, có thể nhận thấy xã Châu Ninh có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển theo hướng đô thị. Xã có vị trí thuận lợi trong mối liên hệ phát triển của tỉnh Hưng Yên, có hệ thống giao thông từng bước được hoàn thiện, nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại – dịch vụ; đặc biệt sự hình thành và phát triển

của Khu công nghiệp Tân Dân tạo động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thu hút đầu tư và gia tăng nhu cầu phát triển các dịch vụ đô thị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xã vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục như hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại một số khu vực chưa đồng bộ; chất lượng một số tuyến giao thông và hệ thống thoát nước còn hạn chế; không gian cây xanh, công viên, khu vui chơi công cộng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu; việc chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu cần được đẩy mạnh; công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường cần tiếp tục tăng cường. Đây là những nội dung cần được tập trung đầu tư, hoàn thiện trong giai đoạn tới.

Việc công nhận không chỉ có ý nghĩa về mặt quản lý hành chính mà còn là cơ sở để định hướng đầu tư phát triển không gian, hạ tầng và cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững; đồng thời tạo động lực khai thác hiệu quả các lợi thế về công nghiệp, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa và các giá trị văn hóa – lịch sử của địa phương. Đồng thời đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong xã Châu Ninh trong việc góp phần xây dựng và nâng cấp hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên, là điều kiện thuận lợi để xã tiếp tục phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp./.

Uỷ ban nhân dân xã Châu Ninh kính trình đề án công nhận xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đào Đức Minh

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ CHÂU NINH THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại III		Năm 2025	Điểm
				Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**		**11,50**	**15,00**				**13,00**
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		5,50	7,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	7,00
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		6,00	8,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	6,00
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**		**15,50**	**20,00**				**18,64**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	1000 người	5,50	7,00	20	200	36,44	5,64
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	4,50	6,00	500	1000	1636,93	6,00
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	5,50	7,00	55	65	78,1	7,00
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**		**48,00**	**65,00**				**48,68**

III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**		**18,25**	**25,00**				**22,04**
3.1.1		***Giao thông***		***7,00***	***9,00***				***8,67***
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		3,00	4,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	*4,00*
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km 2	4,00	5,00	4	6	5,34	4,67
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***		***4,75***	***7,00***				***5,13***
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	2,00	3,00	85	95	86,32	2,13
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km 2	2,00	3,00	3	3,5	4,66	3,00
3	2A.III.010	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	0,75	1,00	50	70	0,00	0,00
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***		***2,00***	***3,00***				***3,00***
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	2,00	3,00	70	80	86,43	3,00
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***		***4,50***	***6,00***				***5,24***
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	2,00	3,00	50	70	64,73	2,74
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	2,50	3,00	có dự án	1 nhà tang lễ	có dự án	2,50
III.2		***Về hạ tầng xã hội***		***18,25***	***25,00***				***17,06***
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	3,75	5,00	30	35	31,83	4,21
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	3,75	5,00	1	10	0	0,00
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	%	3,75	5,00	2	10	8	4,69
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3,00	4,00	2	5	3	3,33

5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2,00	3,00	2	5	3	2,33
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	2,00	3,00	1,5	2	1,75	2,50
III.3		***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***		***11,50***	***15,00***				***9,58***
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	3,0	4,00	1	2	2	4,00
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	2,0	3,00	25,00	35,00	63,30	3,00
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	2,50	3,00	6,00	7,00	6,15	2,58
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	4,00	5,00	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên	Chưa có quy chế	0,00
		Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		**75,00**	**100,00**				**80,32**

Phụ lục 2: Bảng tổng hợp điểm Đánh giá trình độ phát triển xã Châu Ninh theo phụ lục 2B - Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15

Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đạt trình độ loại III		Hiện trạng năm 2025	
				Mức quy định	Điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,25**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,4	5	1,16	4,1
				1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	1,2	6	1,02	4,65
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,30	4
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				Có sân golf xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế	0,5
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					

		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*					
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**18,22**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	6.000	10	6.480	10
				4.000	8		
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	75	6	62,00	5,22
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**49,06**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**19,49**
3.1.1		***Giao thông***			***6,5-9***		***6***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	17	3	17,16	3
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	9	3	26,48	3
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	50	3	0	0
				40	2,5		
		Điểm cộng					
-		Có hệ thống giao thông ngầm					

-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					
-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		***3,86***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	94,50	1,86
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	50	2	100	2
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	35	2	0	0
				20	1,5		
		Điểm cộng					
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...					
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					

3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***			***3-4***		***3,63***
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90	2	86,43	1,82
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	75	1	56,65	0,81
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	15	1	98,03	1
				5	0,75		
		Điểm cộng					
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***			***3-4***		***4***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.000	2	1092,20	2
				400	1,5		
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	95	1	100,00	1
				80	0,75		
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	50	1	100,00	1
				15	0,75		
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		***2,00***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua	%	100	2	88,56	1,71

		mạng băng rộng cố định		80	1,5		
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				Có điểm truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn	0,5
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**18,22**
3.2.1		***Nhà ở***			***4,5-6***		***3,33***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ^{2} sàn/người	32	4	29,34	3,33
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	0	0
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng					
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2		***Công trình công cộng***			***14-19***		***14,89***

1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	110	3	132,15	0
				50	2		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	4	4	3,31	3,3
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	3
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/8.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/8.000 người	3
				Đáp ứng 01 trường/6.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	2	3	2,15	3
				1,8	2		

6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	1,5 1	3 2	1,29	2,59
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên					
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**11,35**
3.3.1		***Không gian đô thị***			***3-4***		***3,60***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	3 2	2 1,5	2,22	1,6
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	5 1	2 1,5	5	2,00
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao					
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		***1***

1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	40	2	0	0
				20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	3	1	8	1
				1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	2	1	0	0
				1	0,75		
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					
-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị					
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-		Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ					
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3		***Quản trị đô thị***			***5-7***		***6,75***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
				Có kế hoạch	0,5		

2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	60	2	70,54	2
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	100	1
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	95	2	100	2
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
		TỔNG CỘNG			**75-100**		**80,53**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

TT	Loại đất	Số lượng	Tổng dân số (người)
1	Dân số thường trú	người	36.179
2	Dân số tạm trú quy đổi	người	263
3	Tổng dân số	người	36.442

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Diện tích đất tự nhiên	**2.226,23**	
A	**Đất xây dựng đô thị**	***562,36***	
I	***Đất dân dụng***	481,59	
1	Đất ở	236,20	
2	Đất công trình công cộng	67,62	
3	Đất cây xanh công cộng	22,23	
4	Đất giao thông đối nội	155,54	
II	***Đất ngoài dân dụng***	**80,78**	
1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng, cơ sở SXKD	44,40	
2	Giao thông đối ngoại	0,06	
3	Đất cơ quan, trụ sở	2,04	
4	DĐất xây dựng công trình sự nghiệp	13,31	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	14,17	
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,40	
7	An ninh quốc phòng	0,40	
B	**Đất khác**	**1.663,87**	
1	Đất nông nghiệp	1.387,03	
2	Đất đồi chưa sử dụng	0,00	
3	Đất bằng chưa sử dụng	7,85	
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	268,98	
5	Đất khác	0,01	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 3: CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
I	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**			
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra	%	5,50	
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được	%	5,50	
II	**Thu nhập bình quân đầu người trên năm**			
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Châu Ninh	Tr. Đồng/năm	79,6	
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Tr. Đồng/năm	78,00	
	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	lần	1,02	
II	**Lao động**			
	Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	21.116	
	Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại	Người	16.491	
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	78,1	
III	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	%	1,16	
IV	**Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**			
	Tổng số hộ trên địa bàn xã	hộ	11.086	
	Tổng số hộ nghèo (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động)	hộ	30	
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn	%	0,30	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)	Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải)	Chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km)	Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng cộng					**29,52**	**964.860**	**25,72**			
II	**Đường tỉnh**					**3,8**	**57.000**	**0**	**0**		
	Đường tỉnh ĐT.378. xã Châu Ninh	Dốc Phương Mạn Đường	Điếm Trung Trâu	9	15	3,8	57.000	0			
III	**Đường đô thị (các tuyến phố, tuyến đường khu dân cư, đường khu vực...)**					**25,72**	**334.360**	**25,72**	**0**	**25,72**	
1	Tuyến đường ĐX.149	Giao đường ĐT.378 tại xã Châu Ninh	TT.05	7	13	1,53	19.890	1,53		1,53	X
2	Tuyến đường ĐX.150	Giao đường ĐT.378 xã Châu Ninh	Hết địa phận xã Châu Ninh	7	13	10,5	136.500	10,5		10,5	X
3	Tuyến đường ĐX.151	Ngã ba quán hàng táo	Bến đò Tân Châu	7	13	2,8	36.400	2,8		2,8	X
4	Tuyến đường ĐX.152	ĐX.150	Ranh sân golf	7	13	1,1	14.300	1,1		1,1	X
5	Tuyến đường ĐX.153	ĐX.155	ĐX.150	7	13	1,08	14.040	1,08		1,08	X
6	Tuyến đường ĐX.154	Ranh sân golf (gần dốc Kênh)	ĐX.150	7	13	1,7	22.100	1,7		1,7	X

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

Tên đường	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
Tổng cộng		**17.150**	
Bến xe, Nhà ga, Bến cảng		**0**	
Không có		0	
Bãi đỗ xe		**17.150**	
Bãi đỗ xe Phương Mạn Đường	Xã Châu Ninh	400	
Bãi đỗ xe Phương Trù	Xã Châu Ninh	300	
Bãi đỗ xe Mạn Xuyên	Xã Châu Ninh	500	
Bãi đỗ xe Hồng Châu	Xã Châu Ninh	400	
Bãi đỗ xe Toàn Thắng	Xã Châu Ninh	430	
Bãi đỗ xe Hồng Quang	Xã Châu Ninh	120	
Bãi đỗ xe Đông Ninh	Xã Châu Ninh	15.000	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực cấp nước	Quy mô dân số (Người)	Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Ghi chú
1	Xã Châu Ninh	36.442	31.455	86,32	94,50	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. NGHỆ AN

CHỦ TỊCH

ÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

I	**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG**			
TT	**Trạm xử lý nước thải**	**Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)**	**Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)**	**Ghi chú**
1	Không có			
II	**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO QUY HOẠCH**			
TT	**Trạm xử lý nước thải**	**Tổng công suất thiết kế theo quy hoạch (m3/ngày đêm)**	**Ghi chú**	**Ghi chú**
2	Không có			

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ	Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	Xã Châu Ninh	11.086	0	0	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. NINH BÌNH

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	Tổng số hộ	Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn	Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%)	Ghi chú
1	6.576,34	5683,75	86,43	11.086	6280	56,65	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên nghĩa trang	Cấp nghĩa trang	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích xây dựng thực tế (ha)	Ghi chú
1	Nghĩa Trang Phương Mạn Đường Vị trí 01	cấp IV	0,57	0,30	
2	Nghĩa Trang Phương Mạn Đường Vị trí 01	cấp IV	4,01	2,80	
3	Nghĩa trang Kiến Châu	cấp IV	4,80	3,00	
4	Nghĩa trang Mũi Lợn	cấp IV	0,43	0,25	
	Tổng		**9,81**	**6,35**	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T.N

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Người/năm	203	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Người/năm	199	
3	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	98	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm	kwh	39.802.000	
2	Tổng dân số	người	36.442	
3	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.092	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	hộ	9.818	
2	Tổng số hộ dân trên địa bàn	hộ	11.086	
3	Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	%	*88,56*	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ dân	hộ	11.086	
2	Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố	hộ	11.086	
3	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	%	*100*	
4	Tổng dân số	hộ	36.442	
5	Tổng diện tích sàn	m2	1.069.208	
6	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	*29,34*	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

UBND XÃ CHÂU NINH TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Trường	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mức độ đạt chuẩn quốc gia	Số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	Số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Ghi chú
I	**Trường THCS**	2				x		
1	Trường THCS Tân Châu		8.186	8.186	1			
2	Trường THCS Tứ Dân		3.793	3.793	1			
II	**Trường Tiểu học**	2				x		
1	Trường Tiểu học Tân Châu		5.917	5.917	1			
2	Trường Tiểu học Tứ Dân		6.227	6.227	1			
III	**Trường Mầm non**	4				x		
1	Trường Mầm non Tân Châu		11.083	11.083	1			
2	Trường Mầm non Tứ Dân		2.200	2.200	0			
3	Trường Mầm non Đại Tập		4.255	4.255	1			
4	Trường Mầm non Đông Ninh		4.535	4.535	1			
IV	**Trường TH&THCS**	2				x		
1	Trường TH & THCS Đông Ninh		9.081	9.081	1			
2	Trường TH & THCS Đại Tập		22.902	22.902	2			
	Tổng Cộng		**78.179**	**78.179**				

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. NINH BÌNH

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

TT	Cơ sở Y tế	Số lượng	Quy mô		
			Số giường	Số lượng cán bộ CNVC	Diện tích (m2)
1	Trung tâm y tế Khoái Châu (300 giường) tính nội suy phục vụ cho xã Châu Ninh	1	80		
2	Phòng khám đa khoa trên địa bàn	1	36		
3	Trạm y tế (4 điểm)				3.566
	Tổng cộng		**116**		

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng
1	Tổng dân số	người	36.442
2	Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp không tính trạm y tế)	giường	116
3	Bình quân số giường bệnh (giường/10000 dân)	(giường/10000 dân)	31,83

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

UBND XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
I	**Công trình di tích lịch sử**	**26.147,0**	
1	Đình Phương Trù	4.702,0	
2	Đền Ngự Dội	7.500,0	
3	Đình Mạn Trù Châu	2.035,0	
4	Đình Tử Lý	1229,5	
5	Đình Nội Doanh	3.000,0	
6	Đền Quan trấn Bắc	232,0	
7	Đình Phù Sa Thượng	2.032,0	
8	Chùa Phù Sa Vân Quang Tự	6.646,0	
II	**Nhà Văn hoá**	**24.237,7**	
1	NVH xã Châu Ninh	1756,2	
2	NVH thôn Nội Doanh	2.248,0	
3	NVH thôn Kiến Châu	1.670,0	
4	NVH thôn Ninh Tập	2.250,0	
5	NVH thôn Hồng Châu	2.120,0	
6	NVH thôn Hồng Quang	1.500,0	
7	NVH thôn Phương Mạn Đường	1.550,0	
8	NVH thôn Mạn Xuyên	1.802,0	
9	NVH thôn Lãnh Điền	1.107,0	
10	NVH thôn Phương Trù	1.880,0	
11	NVH thôn Mãn Hòa	1.720,0	
12	NVH thôn Toàn Thắng	2.305,7	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Ghi chú
I	***Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại***			
1	Chợ Đại Tập (thôn Chi Lăng)	2000	2.000	
2	Chợ Mãn Hòa	2100	2.100	
3	Chợ Cầu Đá (thôn Mạn Xuyên)	2200	2.100	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực	Quy mô diện tích (m2)	Ghi chú
	Đất cây xanh toàn đô thị	**304.914**	
I	Cây xanh sử dụng công cộng (công viên, vườn hoa đô thị)	224.148	
II	Đất cây xanh sử dụng hạn chế (bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng khu ở)	38.478	
III	Đất cây xanh chuyên dụng là đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly (cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).	42.288	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

UBND XÃ CHÂU NINH TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tuyến phố	Số lượng	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị	0		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0		

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Đình Phương Trù	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		x		
2	Đền Ngự Dội	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		x		
3	Đình Mạn Trù Châu	thôn Hồng Châu, xã Châu Ninh		x		
4	Đình Tử Lý	thôn Đông Ninh, xã Châu Ninh		x		
5	Đình Nội Doanh	thôn Nội Doanh, xã Châu Ninh		x		
6	Đền Quan trấn Bắc	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		
7	Đình Phù Sa Thượng	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		
8	Chùa Phù Sa Vân Quang Tự	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Đình Phương Trù	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		x		
2	Đền Ngự Dội	thôn Phương Trù, xã Châu Ninh		x		
3	Đình Mạn Trù Châu	thôn Hồng Châu, xã Châu Ninh		x		
4	Đình Tử Lý	thôn Đông Ninh, xã Châu Ninh		x		
5	Đình Nội Doanh	thôn Nội Doanh, xã Châu Ninh		x		
6	Đền Quan trấn Bắc	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		
7	Đình Phù Sa Thượng	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		
8	Chùa Phù Sa Vân Quang Tự	thôn Lãnh Điển, xã Châu Ninh		x		

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

HĐND XÃ CHÂU NINH TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU NINH NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Đơn vị hành chính	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	Ghi chú
	UBND xã Châu Ninh	7772	5482	70,54	100,0%	

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
ĐÀO ĐỨC MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHÂU NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Ninh, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH ĐƯỢC CẢI TẠO CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Danh mục	Địa điểm	Năm cải tạo, chỉnh trang xây dựng	Ghi chú
1	Dự án nâng cấp cải tao chỉnh trang Đường ĐX.150 (ĐH.51 cũ)	Chùa Cót tới Bến đò Phương Trù	2025	Nâng cấp cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước vỉa vè
2	Dự án nâng cấp cải tao chỉnh trang Đường ĐX.151 (ĐH.52 cũ)	Ngã ba Quán Táo tới bến đò Tân Châu cũ	2025	Nâng cấp cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước vỉa vè
3	Dự án cải tạo các tuyến đường trục giao thông liên thôn	xã Châu Ninh	2025	Nâng cấp cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước vỉa vè

TM. UBND XÃ CHÂU NINH

U.B.N.D XÃ CHÂU NINH TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

ĐÀO ĐỨC MINH

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



Sơ đồ quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên



Vị trí xã Châu Ninh trong vùng tỉnh Hưng Yên

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI XÃ CHÂU NINH



Bản đồ địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên



Phạm vi ranh giới xã Châu Ninh

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



CHÚ THÍCH:

- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT Ở NÔNG THÔN
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SXKD
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP (TRỒNG LÚA)
- ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI XÃ
- RANH DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP
- RANH GIỚI CÁC DỰ ÁN VÀ ĐÔ THỊ
- ĐÔ THỊ LOẠI 5
- TRỤ SỞ UBND XÃ
- KHU CÔNG NGHIỆP
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
- BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM Y TẾ
- NHÀ VĂN HÓA THÔN, XÃ
- TRƯỜNG HỌC TH, TIỂU HỌC MẦM NON
- CT — ĐƯỜNG CAO TỐC
- QL — ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- TL — ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG ĐÊ
- CẦU

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



STT	Chức năng sử dụng của ô phố/ ô đất	Ký hiệu		
		Hiện trạng	Quy hoạch	
			Đợt đầu	Dài hạn
1	2		3	
1	Nhóm nhà ở			
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ			
3	Làng xóm, dân cư nông thôn			
4	Y tế			
5	Văn hóa			
6	Thể dục thể thao			
7	Giáo dục - Trường THPT			
	- Trường THCS, tiểu học, mầm non			
8	Cây xanh sử dụng công cộng			
9	Cây xanh sử dụng hạn chế			
10	Cây xanh chuyên dụng			
11	Sản xuất công nghiệp, kho bãi			
12	Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng			
13	Đào tạo, nghiên cứu			
14	Cơ quan, trụ sở			
15	Khu dịch vụ			
16	Khu dịch vụ du lịch			
17	Di tích, tôn giáo			
18	An ninh			
19	Quốc phòng			
20	Đường giao thông			
21	Đất bãi đỗ xe			
22	Nghĩa trang			
23	Hạ tầng kỹ thuật khác			
24	Sản xuất nông nghiệp			
25	Lâm nghiệp			
	- Rừng đặc dụng			
	- Rừng phòng hộ			
	- Rừng sản xuất			
26	Nuôi trồng thủy sản			
27	Chưa sử dụng			
28	Hồ, ao, đầm			
29	Sông, suối, kênh, rạch			
30	Mặt nước ven biển			

CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG CẤP ĐÔ THỊ

- TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP ĐÔ THỊ
- CHỢ
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- BỆNH VIỆN
- SÂN THỂ THAO CƠ BẢN
- SÂN VẬN ĐỘNG
- TRƯỜNG DẠY NGHỀ
- TRẠM BƠM TĂNG ÁP
- TRẠM THÔNG TIN LIÊN LẠC
- TRẠM ĐIỆN
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG CẤP ĐƠN VỊ Ở

- TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP ĐƠN VỊ Ở
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẤP ĐƠN VỊ Ở
- TRẠM Y TẾ
- SÂN CHƠI, SÂN LUYỆN TẬP
- TRƯỜNG THCS
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẦM NON

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



STT	Chức năng sử dụng của ô phố ô đất	Ký hiệu		
		Hiện trạng	Quy hoạch	
			Đợt đầu	Dài hạn
1	2		3	
1	Nhóm nhà ở			
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ			
3	Làng xóm, dân cư nông thôn			
4	Y tế			
5	Văn hóa			
6	Thể dục thể thao			
7	Giáo dục - Trường THPT			
	- Trường THCS, tiểu học, mầm non			
8	Cây xanh sử dụng công cộng			
9	Cây xanh sử dụng hạn chế			
10	Cây xanh chuyên dụng			
11	Sản xuất công nghiệp, kho bãi			
12	Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng			
13	Đào tạo, nghiên cứu			
14	Cơ quan, trụ sở			
15	Khu dịch vụ			
16	Khu dịch vụ du lịch			
17	Di tích, tôn giáo			
18	An ninh			
19	Quốc phòng			
20	Đường giao thông			
21	Đất bãi đỗ xe			
22	Nghĩa trang			
23	Hạ tầng kỹ thuật khác			
24	Sản xuất nông nghiệp			
25	Lâm nghiệp			
	- Rừng đặc dụng			
	- Rừng phòng hộ			
	- Rừng sản xuất			
26	Nuôi trồng thủy sản			
27	Chưa sử dụng			
28	Hồ, ao, đầm			
29	Sông, suối, kênh, rạch			
30	Mặt nước ven biển			

CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG CẤP ĐÔ THỊ

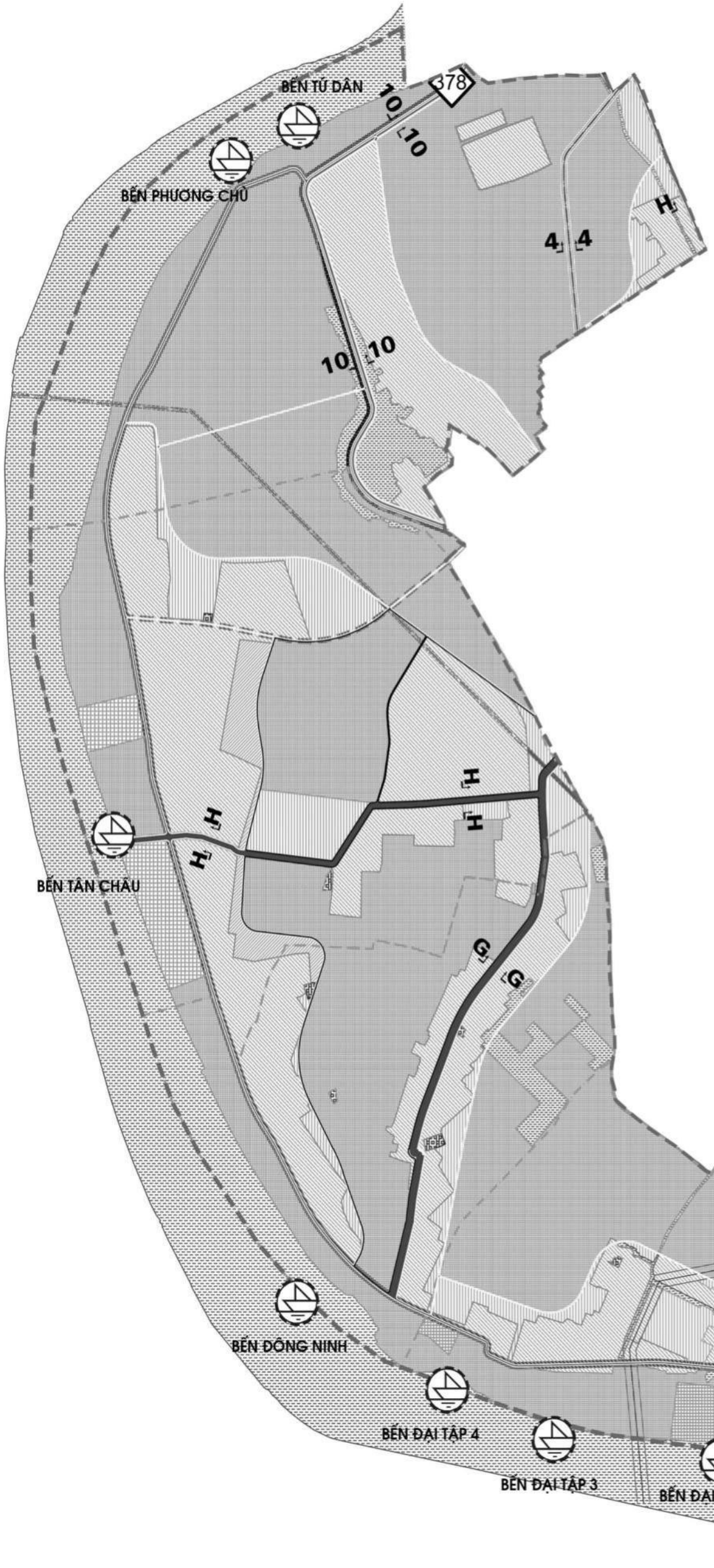
- TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP ĐÔ THỊ
- CHỢ
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- BỆNH VIỆN
- SÂN THỂ THAO CƠ BẢN
- SÂN VẬN ĐỘNG
- TRƯỜNG DẠY NGHỀ
- TRẠM BƠM TĂNG ÁP
- TRẠM THÔNG TIN LIÊN LẠC
- TRẠM ĐIỆN
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG CẤP ĐƠN VỊ Ở

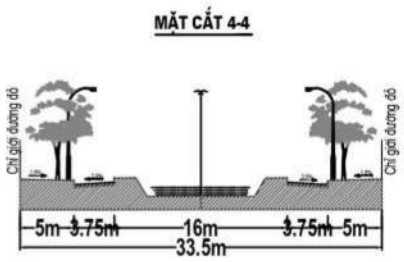
- TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP ĐƠN VỊ Ở
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẤP ĐƠN VỊ Ở
- TRẠM Y TẾ
- SÂN CHƠI, SÂN LUYỆN TẬP
- TRƯỜNG THCS
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẦM NON

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ CHÂU NINH, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

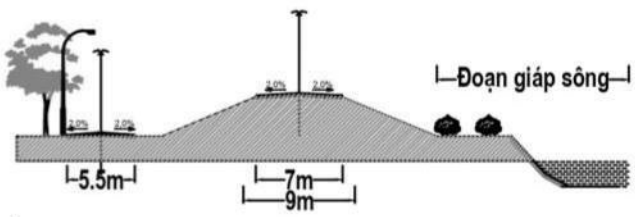
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT



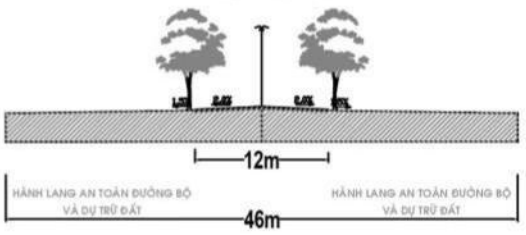
MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 10-10
ĐT.378 (ĐƯỜNG ĐÊ)



MẶT CẮT G-G
ĐT.377B, ĐT.380, ĐT.381,
ĐT.382, ĐT.383, ĐT.384



MẶT CẮT H-H
ĐT.378 VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN

